

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1000217967

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 08 năm 1998

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 22 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG TEXTILES AND GARMENT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THACOTEX CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.733.612

Số Fax: 02273.738.999

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN XUÂN SANG	Việt Nam	Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	142.500.000.000	95,000	034087008907	
2	HOÀNG THỊ HƯƠNG	Việt Nam	Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	7.500.000.000	5,000	034188006938	

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày 11-11-2025
 Số 10874/03
 Quyền số SCT/BS

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: HOÀNG THỊ HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 28/11/1988

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034188006938

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Thị Huyền

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1000217967

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 08 năm 1998

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 08 tháng 09 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THẠNH CÔNG.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH CONG TEXTILES AND GARMENT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THACOTEX CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02273.733.612

Fax: 02273.738.999

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

95.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN XUÂN SANG	Việt Nam	Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	90.250.000.000	95,000	03408700890 7	

2	HOÀNG THI HƯƠNG	Việt Nam	Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	4.750.000.000	5,000	03418800693 8	
---	-----------------	----------	---	---------------	-------	------------------	--

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty 05-10-2021

* Họ và tên: TRẦN XUÂN SANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Số: 558 Quyền số: SCT/BS

Sinh ngày: 16/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034087008907

Ngày cấp: 10/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Quang Xuyên

CÔNG CHỨNG VIÊN
TRẦN NGỌC HÙNG

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



THAI BINH

CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

ĐĂNG KÝ CÔNG ĐĂNG KÝ

ĐĂNG KÝ CÔNG ĐĂNG KÝ

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1000217967, do Phòng Đăng ký kinh
doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình, cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 8
năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 6 năm 2014
Địa chỉ: Số nhà 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố
Thái Bình, tỉnh Thái Bình

CK 816136

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



Chữ ký và đóng dấu của người đăng ký

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 17, tờ bản đồ số: 4
b) Địa chỉ: Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
c) Diện tích: 6.082,8 m² (bằng chữ: Sáu nghìn không trăm tám mươi hai phẩy tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Xây dựng xưởng sản xuất mắc, hồ, dệt, tẩy nhuộm)
e) Thời hạn sử dụng: Đến hết ngày 31/12/2030
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công trình xây dựng

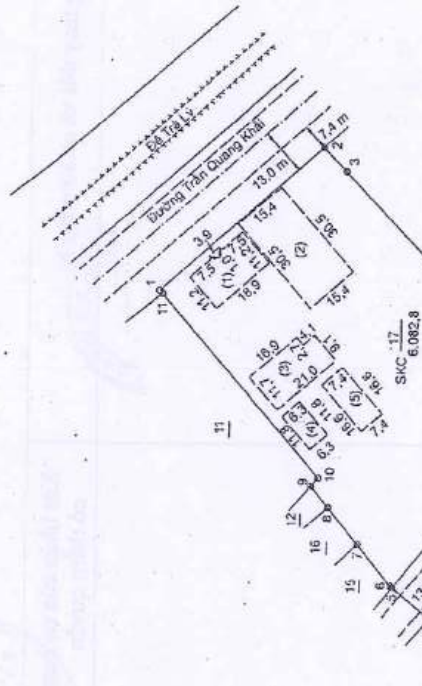
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sản (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
(1) Nhà văn phòng	216,2	1088,2	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(2) Nhà xưởng số 1	469,7	469,7	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(3) Nhà kho thành phẩm	234,7	234,7	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(4) Nhà ăn ca	74,3	74,3	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
(5) Nhà nghỉ ca	122,8	245,6	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Sơn

Bảng ghi tọa độ
(Hệ tọa độ VN-2000)

Số hiệu thửa đất	X(m)	Y(m)	Khống cách (m)
11	2263359,910	587619,036	65,9
10	2263316,080	587570,250	3,0
9	2263318,020	537567,950	7,6
8	2263313,810	587562,130	13,0
7	2263305,550	587552,150	14,5
6	2263396,260	587640,940	0,7
5	2263395,770	587640,470	68,1
4	2263353,810	587594,120	82,6
3	2263316,740	587654,250	9,1
2	2263365,687	587620,827	59,4
11	2263359,910	587619,036	1,2

CHỨNG THỰC

BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

25-05-2018

Số CT: 23/2018/CT-UBND

Thái Bình ngày 23 tháng 5 năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: 68/03472

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Đức Duyên

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 17

Tờ bản đồ số: 4

Số phát hành GCN: CK 816136

Số vào sổ cấp GCN: "CS"03472

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đã đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất và đăng ký thay đổi nội dung thế chấp tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-chi nhánh Thái Bình, theo các hợp đồng thế chấp; số 01-2008/HĐTC, ký ngày 28/4/2008; số 01-2010/HĐTC, ký ngày 08/6/2010, theo hồ sơ số 004440.TC.001	Ngày 24 tháng 5 năm 2018 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh . Giám đốc  35 GIÁM ĐỐC Nguyễn Kiên Cường

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01



Thái bình, ngày 15 tháng 9 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH
CỦA GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH
V/v phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
dầu tư mở rộng sản xuất Công ty dệt may xuất khẩu Thành công

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.
- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư 1420-MT/g ngày 16 tháng 11 năm 1994 hướng dẫn đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở đang hoạt động.
- Căn cứ thông tư 490/TT-BKHCNM/g ngày 29 tháng 4 năm 1998 hướng dẫn lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.
- Căn cứ vào quyết định số 308/2003/QĐ-UB ngày 25/6/2003 của UBND tỉnh Thái Bình về việc thành lập Sở Tài nguyên và môi trường.
- Thừa ủy quyền của UBND tỉnh
- Xét đơn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 10 tháng 9 năm 2004 của Công ty dệt may xuất khẩu Thành công.
- Căn cứ ý kiến thẩm định của Phòng Quản lý môi trường ngày 15 tháng 9 năm 2004.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư mở rộng sản xuất Công ty dệt may xuất khẩu Thành công.

Điều 2: Công ty dệt may xuất khẩu Thành công có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Công ty phải đầu tư công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn Việt nam TCVN-5945-1995, xử lý bụi, khí thải, mùi tại khu vực nồi hơi, nồi nấu tẩy đạt tiêu chuẩn môi trường Việt nam TCVN-5939-1995 trước khi thải ra môi trường xung quanh, thời hạn cuối cùng hoàn thành các công trình xử lý nước thải là hết tháng 1 năm 2005.

Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại B (TCVN - 5945-1995), chỉ thải ra hệ thống cống rãnh công nghiệp, không được thải ra sông Trà lý.

2.2. Khi bố trí nồi hơi, nồi nước tẩy phải tuân thủ quy phạm an toàn của Việt nam đã quy định.

Hãy liên hệ với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường (Địa chỉ: Số 12, phố Quan Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) để được cung cấp bản sao hợp pháp.

Điều 3: Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc đã ghi tại điều 2 là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của cơ sở.

Điều 4: Sau khi hoàn thành các hạng mục về môi trường, công ty phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở TN & MT để kiểm tra.

Điều 5: Giao cho phòng Quản lý môi trường theo dõi, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của cơ sở.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c)
- Sở Kế hoạch & ĐT
- Ban quản lý KCN tỉnh
- Công ty may XK Thành công
- UBND Thành phố Thái Bình
- Phòng QI.MT
- Phòng QH.KH.SI.D
- Lưu VP.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lạc Sang

Hãy liên hệ với Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường (Địa chỉ: Số 12, phố Quan Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) để được cung cấp bản sao hợp pháp.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: **3369** /UBND-NNTNMT

V/v chấp thuận thay đổi một số nội
dung Báo cáo đánh giá tác động
môi trường đã được phê duyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày **13** tháng 9 năm 2016

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công.

Xét đề nghị của của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công tại văn bản số 01/TTr-TC ngày 04/8/2016 về việc thay đổi một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1437/STNMT-CCBVMТ ngày 30/8/2016 về việc đề nghị UBND tỉnh chấp thuận thay đổi một số nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Công văn số 1502/STNMT-CCBVMТ ngày 09/9/2016 về việc chấp thuận thay đổi một số nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công được thay đổi một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất tại tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình đã được phê duyệt; cụ thể như sau:

- Bỏ công đoạn mắc-hồ-dệt trong quy trình sản xuất;
- Thay thế 02 nồi hơi đứng cũ sử dụng nhiên liệu than bằng 01 nồi hơi nằm sử dụng nhiên liệu than (công suất 4 tấn/giờ); thay thế 01 nồi nấu, 03 máy tẩy cũ bằng nồi nấu, máy tẩy mới có công suất tương đương;

- Thay đổi về giám sát môi trường không khí:

+ Bỏ giám sát môi trường không khí phía ngoài hàng rào Công ty theo chiều gió;

+ Thay đổi giám sát khí thải:

Vị trí giám sát tại 02 điểm: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải nồi hơi, hệ thống xử lý khí thải công đoạn nấu giặt tẩy;

Thông số giám sát: Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải nồi hơi: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x; Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn nấu giặt tẩy: Clo;

Tần suất giám sát: 3 tháng/lần;

Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng khí thải đối với bụi và một số chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.



2. Yêu cầu Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công khẩn trương lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất tại tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình đã được phê duyệt, nộp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh để được kiểm tra cấp giấy xác nhận theo quy định.

Đối với nước thải, giám sát nước thải trước và sau xử lý so sánh với các thông số quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm QCVN 13:2015/BTNMT cột A, giá trị C với tần suất 3 tháng/lần.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công theo quy định.

Nhận Công văn này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện./. *rv*✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình;
- Lưu VT, NNTNMT *ch*



Phạm Văn Xuyên



Số 02/GXN-STNMT

Thái Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2020

GIẤY XÁC NHẬN

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
phục vụ giai đoạn vận hành dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất
Công ty Dệt may xuất khẩu Thành Công”

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH
XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công.

Địa chỉ văn phòng: số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Địa điểm hoạt động: số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Điện thoại: 02273.733.612.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1000217967 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/08/1998; thay đổi lần thứ 6 ngày 28/12/2018.

Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường: số 08/QĐ/TNMT ngày 15/9/2004 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, số 3369/UBND-NNTNMT ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất Công ty Dệt may xuất khẩu Thành Công” (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo)
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra;
- UBND thành phố;
- Công ty TNHH DM XK Thành Công;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Nguyễn Xuân Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: **02** /GXN-STNMT ngày **12** tháng 01 năm 2020
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình)

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Đầu tư thiết bị quạt hút, tháp hấp thu bụi (buồng lọc zic zắc), 02 bình lắng bằng nước lạnh, thể tích khoảng 4 m³ để xử lý nhiệt, bụi sau đó thải ra môi trường qua ống khói, đường kính 250 mm, cao khoảng 18 m.

- Quy trình vận hành: Khí thải – Quạt hút – Tháp hấp thu bụi – Bình nước – Ống khói – Môi trường.

2. Công trình xử lý nước thải:

2.1. Mạng lưới thoát nước mưa, thu gom nước thải:

a) Công trình thoát nước mưa:

Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa mặt đất, kết cấu gạch, vữa xi măng, kích thước B×H = 0,4×0,4 m, tổng chiều dài khoảng 350 m, trên tuyến bố trí khoảng 12 hố ga, kích thước 600×800 mm, hệ thống cống bi chịu lực đường kính 500 mm, dài khoảng 42 m, thoát nước mưa ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b) Công trình thu gom, thoát nước thải:

- Xây dựng, lắp đặt đường ống nhựa HDPE D100 mm, tổng chiều dài khoảng 60 m thu gom nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Lắp đặt hệ thống đường ống bằng vật liệu PVC và Inox, đường kính 110 mm tổng chiều dài khoảng 120 m, thu gom nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất dẫn về trạm xử lý tập trung.

- Lắp đặt hệ thống đường ống HDPE DN140 mm, tổng chiều dài khoảng 418 m dẫn nước thải sau xử lý thải ra hệ thống thoát nước của thành phố, theo đó chảy ra sông Bồ Xuyên (đã được UBND thành phố chấp thuận tại Giấy phép số 764/GPTC-UBND ngày 21/11/2019).

2.2. Công trình xử lý nước thải:

- Xây dựng các bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích khoảng 70 m³; xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, công nghệ hóa sinh, công suất 400 m³/ngày đêm, gồm các công trình chính, kích thước cụ thể: 04 Bể inox hạ nhiệt 2 bể loại 5,36 m³, 2 bể loại 11,25 m³, Bể xi hạ độ pH (1,8×4,4×4,7) m, Máng xi hạ độ pH (0,9×1,7×2,1) m, Máng dẫn nước thải (0,5×0,9×7) m; 16 Bể xử lý vi sinh, tổng kích thước (5,6×12,8×4,4) m, 04 Tháp hóa lý (cao 2,5 m, đường kính 1,15 m), 02 Tháp Ồn áp hình trụ (cao 2,5 m, đường kính 1,2 m), Bể khử trùng (1,5×4,4×1) m, Bể kiểm chứng (1,5×4,4×1) m, 04 bể chứa bùn có kích thước: 01 bể (3,2×1,6) m, 2 bể (3,2×3,49) m, 01 bể (3,2×2,3) m, nhà điều hành (4,4×4,4×4) m và hệ thống đường ống thông thủy, bơm, thiết bị điện...

- Quy trình công nghệ, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung: Nước thải – Bể chứa – Bể hạ nhiệt – Bể xử lý pH – Máng hạ pH, máng dẫn – Bể xử lý vi sinh – Cụm Tháp điều tiết, hóa lý – Bể Khử trùng – Bể kiểm chứng – Hệ thống thoát nước thải thành phố.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Bố trí các thùng đựng rác bằng nhựa PVC, đặt tại khu vực nhà ăn, khu nhà điều hành; định kỳ thu gom, vận chuyển ra nhà máy xử lý rác của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị để xử lý.

- Bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích khoảng 50 m², kiên cố, đáp ứng quy định; đã ký hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý (hiện tại Công ty đang ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh theo Hợp đồng số 168/2019/HĐKT/TC-AS ngày 02/01/2019).

- Bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại, diện tích khoảng 10 m², kiên cố, cơ bản đáp ứng quy định về quản lý chất thải nguy hại; đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý (hiện tại Công ty đang ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh theo Hợp đồng số 167/2019/HĐKT/TC-AS ngày 02/01/2019).

4. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Xây dựng, lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công An tỉnh cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 63A/TDPCCC-PC66 ngày 27/11/2014.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số..... /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày tháng 01 năm 2020".

6. Yêu cầu khác:

Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành; đảm bảo chất thải luôn được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn quy định.

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi, bổ sung so với nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý, hướng dẫn điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 18 tháng 12 năm 2007

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 54/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2006 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

Xét đơn đề nghị của Công ty dệt may xuất khẩu Thành Công ngày 05/12/2007 và hồ sơ kèm theo; Đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 711/STNMT-TNN ngày 12/12/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty dệt may xuất khẩu Thành Công khai thác, sử dụng nước mặt, với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt trong nội bộ doanh nghiệp.
2. Nguồn nước khai thác: Tại sông Trà Lý.
3. Vị trí khai thác: Tổ 16, phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình.
Toạ độ X(m): 2.262.885; X(m) 639.992.
4. Lượng nước khai thác, sử dụng: 300 m³/ngày đêm.
5. Chế độ khai thác 10h/ngày.
6. Phương thức khai thác, sử dụng: Xây dựng Trạm bơm phía sông Trà Lý và đặt đường ống dẫn nước phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt trong nội bộ công ty.
7. Thời hạn khai thác, sử dụng: 20 năm.

Điều 2. Công ty dệt may xuất khẩu Thành Công phải thực hiện các yêu cầu:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung công việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu tại Văn bản số 478/IT-SNNPTNT ngày 21/11/2007 về việc sử dụng lại đường ống cấp nước đã có qua băng kết để lấy nước từ sông Trà Lý vào sản xuất kinh doanh tại K25+050 đê hữu Trà Lý, thuộc phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình.

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác, sử dụng nước trên sông.

Điều 3. Công ty dệt may xuất khẩu Thành Công phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ba tháng trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty dệt may xuất khẩu Thành Công còn tiếp tục khai thác, sử dụng phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận :

- Sở TN và Môi trường;
- Sở NN và PTNT;
- UBND thành phố;
- UBND phường Bồ Xuyên;
- Công ty dệt may XK Thành Công;
- Lưu VT, NN, TH (1).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh

Số: 30 /KL-STNMT

Thái Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2021

KẾT LUẬN KIỂM TRA

Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công tại phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình

Thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 được ban hành kèm theo Quyết định số 434/QĐ-STNMT ngày 15/12/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Bình tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công tại số 15, đường Trần Quang Khải, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình. Căn cứ kết quả kiểm tra và Báo cáo khắc phục về việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công ngày 01/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

1. Thông tin chung:

Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 1000217967 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/8/1998; thay đổi lần thứ 8 ngày 08/9/2021, trụ sở văn phòng tại tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình.

Loại hình: sản xuất khăn bông xuất khẩu, công suất thiết kế 1.200 tấn/năm, công suất thực tế khoảng 2 triệu sản phẩm/tháng; nguyên, vật liệu sản xuất (chủng loại, khối lượng) gồm: Sợi OE, Sợi Cọc, Sợi Se, Sợi 40/2 tổng khối lượng khoảng 401 tấn/năm; hóa chất sử dụng: H_2O_2 , Na_2CO_3 , Javen, NaOH, chất keo tụ, than hoạt tính... nhiên liệu than 300 tấn/năm, lượng nước sử dụng khoảng 200 m³/ngày (khai thác nguồn nước mặt từ sông Trà Lý), theo Giấy phép khai thác nước mặt số 04/GP-UBND ngày 18/12/2007 và Giấy phép hoạt động trong phạm vi công trình thủy lợi số 10/GP-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Thái Bình.

Số lượng lao động hiện tại 63 lao động trực tiếp và 450 lao động vệ tinh.

2. Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

2.1. Thủ tục hành chính về môi trường:

Dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất Công ty Dệt may xuất khẩu Thành Công" được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi

trường tại Quyết định số 08/QĐ-TNMT ngày 15/9/2004, cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 02/GXN-STNMT ngày 12/01/2020; được UBND tỉnh chấp thuận thay đổi một số nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Văn bản số 3369/UBND-NNTNMT ngày 13/9/2016.

2.2. Chất thải phát sinh và công tác bảo vệ môi trường:

a) Nước thải.

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được xử lý qua bể tự hoại sau đó đầu nổi về trạm xử lý tập trung.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh khoảng $190 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom dẫn về trạm xử lý tập trung, công nghệ hóa sinh, công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, gồm các công trình chính, kích thước cụ thể: 04 Bể inox hạ nhiệt 2 bể loại $5,36 \text{ m}^3$; 2 bể loại $11,25 \text{ m}^3$; bể xi hạ độ pH ($1,8 \times 4,4 \times 4,7$) m; máng xi hạ độ pH ($0,9 \times 1,7 \times 2,1$) m; máng dẫn nước thải ($0,5 \times 0,9 \times 7$) m; 16 bể xử lý vi sinh, tổng kích thước ($5,6 \times 12,8 \times 4,4$) m; 04 Tháp hóa lý (cao 2,5 m, đường kính 1,15 m); 02 tháp ươm áp hình trụ (cao 2,5 m, đường kính 1,2 m); bể khử trùng ($1,5 \times 4,4 \times 1$) m; bể kiểm chứng ($1,5 \times 4,4 \times 1$) m; 04 bể chứa bùn có kích thước: 01 bể ($3,2 \times 1,6$) m, 2 bể ($3,2 \times 3,49$) m, 01 bể ($3,2 \times 2,3$) m; nhà điều hành ($4,4 \times 4,4 \times 4$) m và hệ thống đường ống thông thủy, bơm, thiết bị điện... Quy trình công nghệ, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung: Nước thải – Bể chứa – Bể hạ nhiệt – Bể xử lý pH – Máng hạ pH, máng dẫn – Bể xử lý vi sinh – Cụm Tháp điều tiết, hóa lý – Bể Khử trùng – Bể kiểm chứng – Hệ thống thoát nước thải thành phố.

Được UBND tỉnh gia hạn hoạt động trong phạm vi công trình thủy lợi tại Giấy phép số 10/GP-UBND ngày 06/4/2021.

b) Khí thải.

- Khí thải phát sinh từ nồi hơi đốt than, được thu gom, xử lý bằng thiết bị quạt hút, tháp hấp thu bụi (buồng lọc zic zắc), 02 bình lắng bằng nước lạnh, thể tích khoảng 4 m^3 để xử lý nhiệt, bụi sau đó thải ra môi trường qua ống khói, đường kính 250 mm, cao khoảng 18 m.

- Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, xử lý bằng tháp lọc than hoạt tính sau đó thải ra môi trường qua ống khói cao 6 m.

c) Chất thải rắn thông thường.

+ Chất thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng $0,7 \text{ kg}/\text{ngày}$ được thu gom vào các thùng chứa tạm thời đặt tại các khu vực văn phòng, khu nhà ăn ca, hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình vận chuyển, xử lý (Hợp đồng số 199/HĐ-MTĐT ngày 06/01/2021).

+ Chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh gồm: Xi than, bùn thải, dây buộc, bao bì nilon... khoảng 1,825 tấn/tháng, được chứa tạm thời tại khu lưu giữ

diện tích khoảng 50 m², kiên cố, đáp ứng quy định. Xi than, bùn thải ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh vận chuyển, xử lý (Hợp đồng số 067/21/HĐKT/TC-AS ngày 02/01/2021), dây buộc, bao bì nylon được thu gom tái sử dụng.

d) Chất thải nguy hại.

Chất thải nguy hại phát sinh, gồm bóng đèn huỳnh quang, thùng hóa chất, giẻ lau dính dầu, than hoạt tính... phát sinh khoảng 561 kg/năm (tương đương 46,75 kg/tháng) được phân loại, quản lý theo quy định; bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại, diện tích khoảng 10 m², kiên cố, cơ bản đáp ứng quy định về quản lý chất thải nguy hại; ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường An Sinh vận chuyển, xử lý (Hợp đồng số 067/21/HĐKT/TC-AS ngày 02/01/2021).

e) Việc thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường.

- Quan trắc môi trường: Đã thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát, gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 và thực hiện quan trắc định kỳ các quý I, II, III năm 2021.

- Đã thực hiện nộp đầy đủ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2021.

3. Tồn tại:

- Chưa cung cấp đầy đủ tài liệu theo đề cương gửi kèm Công văn số 2453/STNMT-CCBVMТ ngày 07/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Khu tập kết than che chắn chưa kiên cố để giảm thiểu ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

4. Kết quả khắc phục;

Ngày 01/12/2021, Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công đã hoàn thành khắc phục một số nội dung và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: Đã lắp đặt mái che bằng tôn, kiên cố tại khu tập kết than tránh ô nhiễm nước mưa, cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra (có hình ảnh kèm theo).

5. Kết luận, kiến nghị:

Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-TNMT ngày 15/9/2004 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; được UBND tỉnh chấp thuận thay đổi một số nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Văn bản số 3369/UBND-NNTNMT ngày 13/9/2016; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 02/GXN-STNMT ngày 12/01/2020; đã đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm, đầu tư công trình, thiết bị xử lý khí thải nồi hơi, khí

thải từ hệ thống xử lý nước thải; đã xây dựng khu lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực, thực hiện quan trắc và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

Từ kết quả kiểm tra nêu trên, căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường khác có liên quan; Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Yêu cầu Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công:

+ Tiếp tục duy trì các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đảm bảo thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo mẫu tại phụ lục VI, Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thái Bình trước ngày 31/01 năm tiếp theo.

- Giao: Thanh tra Sở, Chi cục Bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các đơn vị liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công thực hiện kết luận này.

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi kèm theo báo cáo UBND tỉnh; yêu cầu Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công thực hiện nghiêm Kết luận này./.

CHUNG THỰC

28-06-2023

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở NN & PTNT;
- UBND thành phố Thái Bình;
- Công ty TNHH DMXK Thành Công;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr, CCBVMT.

Số: 3379/QLYT-UBND. Quyền số: 6 SCT/BS

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Ngoan



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Ngọc Dậu

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**
(Gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình tại Tờ trình số 80/TTr-SNNPTNT ngày 31/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, với các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được cấp phép:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công.
- Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1 (tổ 16 cũ), phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Điện thoại: 02273.733.612

Fax: 02273.738.999.

2. Tên hoạt động: Xả nước thải sau xử lý của Công ty có địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1 (tổ 16 cũ), phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào công trình thủy lợi sông Bồ Xuyên.

Quy trình xử lý nước thải: Nước thải phát sinh từ sản xuất được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty. Chất lượng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo theo quy định chảy về hồ kiểm chứng và chảy ra bể chờ sau đó được dẫn theo đường ống HDPE $\phi 140$ có điểm đầu từ vỉa hè trước khu đất của Công ty, điểm cuối đầu nối vào rãnh hiện có bằng hồ ga xây dựng mới trên vỉa hè đường Lý Thường Kiệt trước khu đất Công ty Cổ phần Vận tải thủy Thái Bình và chảy ra sông Bồ Xuyên.

3. Vị trí xả nước thải: Xả nước thải sau xử lý của Công ty vào hồ ga trên vỉa hè đường Lý Thường Kiệt, với toạ độ hồ ga X(m): 2263029; Y(m): 587869 và xả ra sông Bồ Xuyên.

4. Lưu lượng xả $Q_{\text{xả nước thải}} = 300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; phương thức xả: Liên tục.

5. Thời hạn của giấy phép: 03 năm (Tính từ ngày ban hành giấy phép).

vào hồ ga và ra sông Bò Xuyên không vượt quá quy định tại cột A, giá trị C_{max} (tính với $K_q=0,9$; $K_f=1,1$) của QCVN13-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 67/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ và các nội dung được cấp phép;
- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm không vượt quá quy định tại cột A, giá trị C_{max} của QCVN13-MT: 2015/BTNMT trước khi xả vào công trình thủy lợi;
- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải vào công trình thủy lợi; có trang thiết bị tự kiểm tra chất lượng nước thải; sổ nhật ký ghi chép hàng ngày để báo cáo khi có Đoàn Kiểm tra thường kỳ và đột xuất;
- Gửi báo cáo kết quả phân tích chất lượng nước thải vào công trình thủy lợi về Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình theo định kỳ 04 lần/năm: Trước ngày 15/3; 15/6; 15/9 và 15/12 hàng năm;
- Trong thời hạn sử dụng giấy phép chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình về việc chấp hành Luật Thủy lợi;
- Trước khi hết hạn giấy phép ít nhất 45 ngày phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình có trách nhiệm cử cán bộ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành Luật Thủy lợi và các yêu cầu tại giấy phép này của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công; nếu phát hiện vi phạm phải lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình; Giám đốc Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành. 16

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KTN. *mm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

GIỚI HẠN CHO PHÉP LƯN NHẤT CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP DỆT NHUỘM
(Kèm theo Giấy phép số 10/GP-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Bình).

Tt	Thông số		Đơn vị	QCVN13-MT: 2015/BTNMT cột A, giá trị C_{max} ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$)
1	Nhiệt độ		$^{\circ}\text{C}$	40,0
2	pH		-	6-9
3	Độ màu (pH=7)	Cơ sở mới	Pt-Co	49,5
		Cơ sở đang hoạt động	Pt-Co	74,25
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)		mg/l	29,7
5	COD	Cơ sở mới	mg/l	74,25
		Cơ sở đang hoạt động	mg/l	99,0
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)		mg/l	49,5
7	Xyanua		mg/l	0,0693
8	Clo dư		mg/l	0,99
9	Crôm VI (Cr ⁶⁺)		mg/l	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt		mg/l	4,95

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Hồi 14 giờ 10 ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công.

Địa chỉ: : Tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chúng tôi gồm:

Đại diện: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Thái Bình

1. Đ/c Nguyễn Minh Hải – Cấp bậc: Thượng úy – Chức vụ: Cán bộ

2. Đ/c Đinh Văn Giang – Cấp bậc: Thiếu úy – Chức vụ: Cán bộ

Đã tiến hành kiểm tra đối với Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công.

Đại diện: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

1. Ông: Trần Xuân Sang – Chức vụ: Giám đốc

2. Ông: Nguyễn Trung Kiên – Chức vụ: Trưởng phòng TCHC.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Trình bày của cơ sở

1. Quy mô cơ sở, bố trí mặt bằng, công năng sử dụng PCCC:

- Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công chuyên sản xuất khăn xuất khẩu, Công ty có trên 60 cán bộ, nhân viên. Công ty đã quan tâm chỉ đạo thành lập lực lượng PCCC cơ sở gồm 30 đội viên vừa lao động sản xuất vừa thường trực xử lý khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.; có 03 bảo vệ chia thành 03 ca đảm bảo thường trực 24/24.

- Hiện tại các hạng mục công trình của Công ty không thay đổi so với thiết kế ban đầu.

2. Việc chấp hành các quy định về PCCC của cơ sở:

Công ty đã lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH của cơ sở, hệ thống, phương tiện PCCC và CNCH được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ theo qui định. Lực lượng PCCC cơ sở được duy trì ổn định, thường xuyên tự tổ chức tập luyện các kỹ năng PCCC và CNCH.

II. Kiểm tra thực tế

1. Kiểm tra hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC của cơ sở:

Công ty đã lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014; Điều 9 Thông tư 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an gồm:

ban hành nội qui an toàn PCCC và các nội quy ban hành kèm theo, các sổ theo dõi phương tiện, sổ theo dõi công tác tuyên truyền, huấn luyện, thực tập phương án chữa cháy.

- Phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu PC11 được phê duyệt theo quy định.
- Phương án cứu nạn cứu hộ của cơ sở theo mẫu 04 đã được phê duyệt theo quy định.

2. Kiểm tra việc thực hiện chế độ BHCNBB đối với cơ sở

Đã mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo Nghị định 23/NĐ-CP của Chính phủ tại Công ty bảo hiểm Vietinbank Nam Định có giá trị đến ngày 13/9/2020.

3. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC

Phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị tại cơ sở được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo qui định và được ghi chép vào sổ theo dõi phương tiện.

III. Kiểm tra thực tế

1. Đường giao thông dành cho chữa cháy:

- Lối vào cho xe chữa cháy tiếp cận đến các hạng mục đảm bảo yêu cầu.
- Mặt đường đổ bê tông đảm bảo tải trọng cho xe chữa cháy hoạt động bình thường.

2. Khoảng cách an toàn PCCC giữa các cơ sở, các hạng mục nhà:

Các hạng mục nhà xưởng được xây dựng với kết cấu khung dầm chịu lực bằng khung thép, tường gạch bao quanh, mái lợp tôn.

3. Hệ thống, nguồn cấp nước chữa cháy ngoài nhà:

Cơ sở có 02 bể nước tổng dung tích khoảng 700m³ trong cơ sở phục vụ công tác chữa cháy, xe chữa cháy có thể tiếp cận; trước cơ sở có sông Trà Lý trữ lượng nước lớn, máy bơm chữa cháy có thể tiếp cận.

4. An toàn PCCC trong sử dụng điện, nguồn điện cấp cho PCCC:

- Đối với hệ thống điện trong nhà văn phòng, công trình nhà kho, xưởng: được lắp đặt đảm bảo an toàn về PCCC, không có hiện tượng cầu móc, quá tải, có aptomat bảo vệ đối với từng thiết bị điện.

- Tủ điện trung tâm, cầu giao điện được lắp đặt tại tường ngoài nhà kho.

- Đối với nguồn điện cấp cho PCCC: Nguồn điện cấp cho hệ thống PCCC gồm: có 02 nguồn điện riêng biệt, nguồn điện dự phòng được cung cấp từ máy phát điện của cơ sở đảm bảo công suất.

5. Trang bị và duy trì hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC, CNCH

5.1. Kiểm tra duy trì trang bị, hoạt động của hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà:

công suất 5,5kW và 02 họng nước chữa cháy vách tường. Qua kiểm tra chạy thử máy bơm hoạt động bình thường, lắng vòi đầy đủ chất lượng đảm bảo để xử lý tình huống khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Thử nghiệm hoạt động của hệ thống bơm họng nước, lắng, vòi chữa cháy: hoạt động bình thường.

5.2. Kiểm tra bình chữa cháy ban đầu:

Công ty đã trang bị 35 bình bột chữa cháy xách tay loại MFZ4 và bình chữa cháy bằng khí CO₂ bố trí tại các khu vực hành lang các dãy nhà, khu vực nhà để xe. Đã bố trí niêm yết nội quy PCCC, tiêu lệnh theo quy định.

6. Kiểm tra duy trì việc niêm yết các nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC, CNCH:

- Duy trì niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành.
- Nội quy bảo đảm nội dung theo quy định; mẫu biển cấm, biển báo đúng quy cách.

- Các nội qui, biển báo, chỉ dẫn, không hư hỏng, mờ, không bị che lấp.

7. Tổ chức và hoạt động của lực lượng PCCC tại chỗ:

Đã thành lập 01 Đội PCCC cơ sở gồm 30 người theo quyết định của Lãnh đạo cơ sở; phân công thường trực PCCC, CNCH trong và ngoài giờ theo qui định, đã được tập huấn nghiệp vụ PCCC và cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ PCCC theo quy định năm 2018

8. Kiểm tra hệ thống tiếp địa, chống sét:

- Hệ thống chống sét được lắp đặt đảm bảo yêu cầu.

- Hàng năm đã đo kiểm tra bảo dưỡng hệ thống chống sét theo qui định.

9. Điều kiện thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy: có hệ thống máy điện thoại cố định và di động; keng báo cháy theo qui định, hoạt động bình thường.

III. Kiến nghị đối với cơ sở:

Để đảm bảo an toàn và duy trì tốt công tác PCCC và CNCH, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đề nghị Lãnh đạo Công ty thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC quy định tại Điều 20 Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Điều 7 và Điều 11 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ. (Duy trì thường xuyên)

2. Xây dựng kế hoạch tập huấn nghiệp vụ PCCC cho đội PCCC của cơ sở năm 2020 (quy định Điều 16 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công An) và phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tổ chức thực tập phương án chữa cháy theo phương án giả định (quy định tại Khoản 4, Điều 12

thành: trước 30/9/2020)

3. Đo kiểm tra điện trở nối đất chống sét đối với hệ thống chống sét định kỳ năm 2020 theo quy định. (Thời hạn hoàn thành: trước 30/9/2020)

4. Duy trì công tác tự kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy định kỳ, phương tiện PCCC cho các hạng mục tại cơ sở đảm bảo theo qui định tại TCVN 3890 – 2009 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình, trang bị bố trí, kiểm tra bảo dưỡng. (Duy trì thường xuyên)

5. Thường xuyên kiểm tra, duy trì công tác vệ sinh công nghiệp, không để bụi bông bám vào các bảng điện, tủ điện, ổ cắm, thiết bị điện, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC định kì theo quy định, tăng cường việc tuần tra, canh gác bảo vệ vào ban đêm, ngày nghỉ, phát hiện và xử lý kịp thời mọi nguy cơ có thể gây ra cháy, nổ. (Duy trì thường xuyên)

Biên bản được lập xong hồi 16 giờ 10 ngày 20 tháng 8 năm 2020, gồm 04 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.



ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA

GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Sang

Thượng uý Nguyễn Minh Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

Số: 3368 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Xét hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 550/TTr-STNMT ngày 27/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công (địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Trạm bơm khai thác nước mặt sông Trà Lý.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt trong nội bộ doanh nghiệp.
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Cấp nước cho mục đích sản xuất phi nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ.
4. Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của công trình:
 - Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 01/9/2017 (ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính Phủ có hiệu lực) đến ngày 18/12/2027 (ngày Giấy phép số 04/GP-UBND ngày 18/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hạn) là: 3.760 ngày.

Trong đó:

- Từ ngày 01/9/2017 đến 31/12/2020 là: 1.217 ngày.
- Từ ngày 01/01/2021 đến 18/12/2027 là: 2543 ngày.

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (W):

$$W = 300 \times 365/365 \times 3760 = 1.128.000 \text{ m}^3.$$

6. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (G):

Xác định theo giá tính thuế tài nguyên theo Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2020 là (G) = 4.000 đồng.

7. Hệ số điều chỉnh (K): $K = 1 + (K1 + K2 + K3) = 1 + (0 + 0,2 + 0,1) = 1,3$.

8. Mức thu tiền cấp quyền (M): $M = 1,5\%$ (khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp).

9. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (T):

$$T = W \times G \times K \times M = 1.128.000 \times 4000 \times 1,3 \times 1,5\% = 87.984.000 \text{ đồng}.$$

10. Tổng số tiền phải nộp, phương án nộp tiền:

- Tổng số tiền phải nộp: 87.984.000 đồng.

- Phương án nộp tiền: Nộp theo năm.

Số tiền phải nộp trong năm 2020 là 28.477.800 đồng (làm tròn 28.478.000 đồng).

Số tiền phải nộp hàng năm (7 năm từ 2021-2027) là 8.500.886 đồng/năm (làm tròn 8.501.000 đồng).

11. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh Thái Bình: Có trách nhiệm ban hành Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công: Có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ thì Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Thái Bình;
- UBND phường Bồ Xuyên;
- Lưu: VT, NNTNMT.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Thái Bình;
- UBND phường Bồ Xuyên;
- Lưu: VT, NNTNMT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Thận



THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

- ☐ Thông báo một lần ☒ Thông báo nhiều lần
☐ Thông báo điều chỉnh, bổ sung

Căn cứ Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
Căn cứ Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước số 3368/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình;
Cục thuế tỉnh Thái Bình thông báo tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ

1. Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công
2. Mã số thuế: 1000217967
3. Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Điện thoại: 0227.73733612

E-mail:

II. THÔNG TIN VỀ KHU VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Tên khu vực tài nguyên nước: sông Trà Lý
2. Địa chỉ khu vực tài nguyên nước: Trạm bơm khai thác nước mặt sông Trà Lý
3. Quy mô khai thác: 1.128.000 m³
4. Thời gian được cấp phép khai thác: Từ 01/9/2017 đến năm 18/12/2027.

III. THÔNG TIN VỀ THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp:

Số tiền phải nộp năm 2022: 8.501.000 đồng.

(viết bằng chữ: Tám triệu năm trăm linh một nghìn đồng)

2. Thời hạn nộp tiền:

- Kỳ thứ nhất nộp 50% chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2022;
- Kỳ thứ hai nộp đủ phần còn lại chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2022;
- Trường hợp người nộp thuế nộp một lần trong năm thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2022.

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước)

1. Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công

3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của Kho bạc nhà nước: Số tài khoản: 71111054797 của Cục Thuế tỉnh Thái Bình mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình.

4. Tên cơ quan quản lý thu: Cục Thuế tỉnh Thái Bình, Mã cơ quan quản lý thu: 1054797.

5. Tên Chương: Kinh tế hỗn hợp NQD, Mã Chương: 554

6. Tên nội dung kinh tế (Tiêu mục): Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với GP ĐP, Mã Tiêu mục: 1254.

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp ($= \text{số ngày chậm nộp} \times 0,03\%/\text{ngày}$); nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan Thuế theo số điện thoại: 02273.645.277 địa chỉ: Số 136 Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để được hướng dẫn cụ thể.

Trường hợp có vướng mắc về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ với cơ quan ban hành văn bản tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước để được xem xét giải quyết cụ thể.

Cục thuế tỉnh Thái Bình thông báo để tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện./. *Bà F*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công;
- Sở TNMT tỉnh Thái Bình;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng TKT1, QLN;
- Lưu: VT, KK.

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hà Nhật Quang

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/TB-STNMT

Thái Bình, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**THÔNG BÁO NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**
Quý IV năm 2021 và Quý I năm 2022
(Thông báo lần 1)

Tên người nộp phí: Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công.

Địa chỉ: số 15 Đường Trần Quang Khải, phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình.

Căn cứ Tờ khai nộp phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp Quý IV năm 2021 và Quý I năm 2022 của đơn vị và kết quả thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đơn vị phải nộp quý này như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị theo Tờ khai	Giá trị sau thẩm định (*)	Ghi chú
I	Quý IV năm 2021			
1	Tổng lượng nước thải trong quý (m ³):	6.000	7.740	7 ngày đồng hồ hỏng không có số liệu ghi chép (tính trung bình 170 m ³ /ngày)
2	Hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l):			
	COD	72	72	
	TSS	17	17	
3	Số phí phát sinh quý này (đồng): $F_q = (f/4) + C_q$	1.109.000	2.430.352	
II	Quý I năm 2022			
1	Tổng lượng nước thải trong quý (m ³):	6.000	6.000	
2	Hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l):			
	COD	36	36	
	TSS	5	5	
3	Số phí phát sinh quý này (đồng): $F_q = (f/4) + C_q$	504.000	1.504.000	
III	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (đồng):	1.109.000	-	



IV	Số phí nộp thừa từ quý trước (đồng):	-	-	
V	Tổng số phí phải nộp (I+II+IV-III)	1.613.000	3.934.352	

(*)(Trong đó: Lưu lượng nước thải theo Hóa đơn sử dụng nước; hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải theo Phiếu kết quả quan trắc của Công ty gửi kèm Tờ khai nộp phí).

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp (viết bằng chữ): Ba triệu chín trăm ba mươi tư nghìn ba trăm năm mươi hai đồng.

Yêu cầu đơn vị nộp số tiền theo thông báo trên đây vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình, Tài khoản số: 3511.0.1096604.00000, Mã NDKT: 2618, Mã chương 426, Chủ tài khoản: Chi cục Bảo vệ môi trường.

Hạn nộp trước ngày 28 tháng 5 năm 2022/.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH DMXK Thành Công;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Hoàng Văn Ngoạn

Số: 144 /TB-STNMT

Thái Bình, ngày 21 tháng 10 năm 2021

**THÔNG BÁO NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**

Quý III năm 2021
(Thông báo lần 1)

Tên người nộp phí: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
Địa chỉ: Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
Căn cứ Tờ khai nộp phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp
Quý IV năm 2020, Quý I, II, III năm 2021 của đơn vị và kết quả thẩm định, Sở
Tài nguyên và Môi trường thông báo số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước
thải công nghiệp đơn vị phải nộp quý này như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị theo Tờ khai	Giá trị sau thẩm định (*)	Ghi chú
I	Quý IV năm 2020			
1	Tổng lượng nước thải trong quý (m ³):	6.000,0	6.000,0	
2	Hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l):			
	COD	54,0	54,0	
	TSS	20,0	20,0	
	Hg	-	-	
	Pb	-	-	
	As	-	-	
	Cd	-	-	
3	Số phí phát sinh quý này (đồng): $F_q = (f/4) + C_q$	1.311.000	1.311.000	
II	Quý I năm 2021			
1	Tổng lượng nước thải trong quý (m ³):	6.000,0	6.000,0	
2	Hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l):			
	COD	33,0	33,0	
	TSS	25,0	5,0	
	Hg	-	-	
	Pb	-	-	
	As	-	-	
	Cd	-	-	
3	Số phí phát sinh quý này (đồng): $F_q = (f/4) + C_q$	1.131.000	1.468.000	
III	Quý II năm 2021			
1	Tổng lượng nước thải trong quý (m ³):	6.000,0	6.000,0	



2	Hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l):			
	COD	54,0	54,0	
	TSS	18,0	18,0	
	Hg	-	-	
	Pb	-	-	
	As	-	-	
	Cd	-	-	
3	Số phí phát sinh quý này (đồng): $F_q = (f/4) + C_q$	1.282.200	1.907.200	
IV Quý III năm 2021				
1	Tổng lượng nước thải trong quý (m^3):	6.000,0	6.000,0	
2	Hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l):			
	COD	53,0	53,0	
	TSS	20,0	20,0	
	Hg	-	-	
	Pb	-	-	
	As	-	-	
	Cd	-	-	
3	Số phí phát sinh quý này (đồng): $F_q = (f/4) + C_q$	1.299.000	1.924.000	
V	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (đồng):	-	-	
VI	Số phí nộp thừa từ quý trước (đồng):	-	-	
VII	Số phí phải nộp (đồng) (3 + 4 - 5):	5.023.200	6.610.200	

(*)(Trong đó: Lưu lượng nước thải theo số liệu đơn vị kê khai; hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải theo Phiếu kết quả quan trắc của Công ty gửi kèm Tờ khai nộp phí; từ 01/01/2021, mức phí cố định mỗi quý $f/4 = 1.000.000$ đồng)

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp phải nộp (viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm mười nghìn hai trăm đồng.

Yêu cầu đơn vị nộp số tiền theo thông báo trên đây vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình, Tài khoản số: 3511 0 1096604 00000, Mã NDKT: 2618, Mã chương 426 (do Chi cục Bảo vệ môi trường làm chủ tài khoản).

Hạn nộp trước ngày 31 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH dệt may XK Thành Công;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Ngoạn



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 81 /2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu:

Nước thải

Địa điểm quan trắc:

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Địa chỉ:

Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình

Ngày quan trắc:

08/3/2022

Ngày phân tích:

08 - 14/3/2022



VILAS 568

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1 M03090243	NT2 M03090244	Cột A	Cmax
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	32,3	22,7	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	12,0	8,3	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	4.722	26	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	300	14	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	1.152	36	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	135	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	16,51	0,054	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B - 2017 TCVN 6658 - 2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB - 101:2020	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	10,20	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hồ ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 15h00';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả ra môi trường của công ty lúc 16h00' ngày 08/3/2022.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên K_q = 0,9.

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50m^3/24h < F \leq 500m^3/24h$ nên K_f = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Thái Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2022

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc

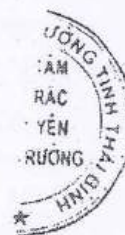
Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

Bh

Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 82/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 08/3/2022
 Ngày phân tích: 08 - 14/3/2022

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M03090245	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	120	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	382	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	3	500	400
04	NOx	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	24	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.900	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói nổi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 14h00' ngày 08/3/2022.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức

$P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 1$.

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

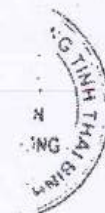
Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 253/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu:

Nước thải

Địa điểm quan trắc:

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Địa chỉ:

Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình

Ngày quan trắc:

01/6/2022

Ngày phân tích:

01 - 09/6/2022



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1 M06010577	NT2 M06010578	Cột A	Cmax
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	31,7	30,5	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	11,1	8,3	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	630	25	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	60	11	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	176	26	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	43	12	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	1,40	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B - 2017 TCVN 6658 - 2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB-101:2020	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	8,80	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hồ ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 15h30'.

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả của công ty ra môi trường lúc 15h50' ngày 01/6/2022.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên K_q = 0,9.

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50m^3/24h < F \leq 500m^3/24h$ nên K_f = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Thái Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2022

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 254/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 01/6/2022
 Ngày phân tích: 01 - 09/6/2022

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M06010579	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	136	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	367	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	51	500	400
04	NOx	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	142	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.000	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói nồi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 15h10' ngày 01/6/2022.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức

$$P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h} \text{ nên } K_p = 1.$$

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.

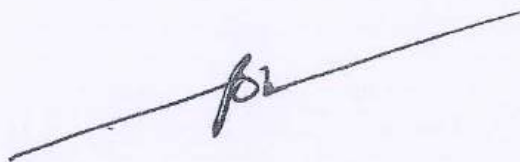
(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đẻ





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 495/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 31/8/2022
 Ngày phân tích: 31/8 - 12/9/2022

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M08311008	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	136	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	367	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	51	500	400
04	NO _x	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	142	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.000	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói nổi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 08h10' ngày 31/8/2022.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức $P \leq 20.000$ m³/h nên Kp = 1.

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 13 tháng 6 năm 2022

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 499/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 31/8/2022
 Ngày phân tích: 31/8 - 12/9/2022



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột A	Cmax
				M08311006	M08311007		
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	33,6	29,8	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	10,4	7,9	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	281	20	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	235	12	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	880	25	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	82	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	1,15	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B-2017 & TCVN 6658-2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB - 101:2020	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	12,30	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hồ ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 09h00'.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 497/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Hồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 31/8/2022
 Ngày phân tích: 31/8 - 12/9/2022



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột A	Cmax
				M08311006	M08311007		
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	33,6	29,8	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	10,4	7,9	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	281	20	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	235	12	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	880	25	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	82	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	1,15	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B-2017 & TCVN 6658-2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB - 101:2020	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	12,30	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hồ ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 09h00';



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 499/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu:

Nước thải

Địa điểm quan trắc:

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Địa chỉ:

Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình

Ngày quan trắc:

31/8/2022

Ngày phân tích:

31/8 - 12/9/2022



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1 M08311006	NT2 M08311007	Cột A	Cmax
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	33,6	29,8	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	10,4	7,9	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	281	20	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	235	12	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	880	25	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	82	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	1,15	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B-2017 & TCVN 6658-2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB - 101:2020	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	12,30	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hố ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 09h00';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả cuối cùng của công ty lúc 09h20' ngày 31/8/2022.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên K_q = 0,9.

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50m^3/24h < F \leq 500m^3/24h$ nên K_f = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang

Thái Bình, ngày 13 tháng 9 năm 2022

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Phạm Đình Đề





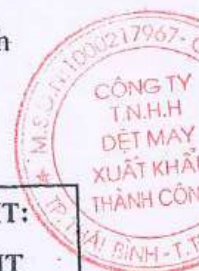
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILA3 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 727/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 05/12/2022
 Ngày phân tích: 05 - 12/12/2022



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1 M12051447	NT2 M12051448	Cột A	Cmax
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	28,7	24,5	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	10,8	7,2	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	252	21	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	68	17	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	212	56	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	62	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	1,08	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B - 2017 TCVN 6658 - 2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB-101:2020	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	11,80	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hồ ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 14h40';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả của công ty ra môi trường lúc 14h50' ngày 05/12/2022.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên Kq = 0,9.

- Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50m^3/24h < F \leq 500m^3/24h$ nên Kf = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép Cmax = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Thái Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2022

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 728/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 05/12/2022
 Ngày phân tích: 05 - 12/12/2022

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M12051449	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	115	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	84	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	0	500	400
04	NOx	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	20	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	8.000	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói nổi hơi 04 tần/h của công ty lúc 13h20' ngày 05/12/2022.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức

$P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 1$.

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2022

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc
Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 730/2022/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu:

Bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải

Địa điểm quan trắc:

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Địa chỉ:

Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường B. K. thành phố Thái Bình

Ngày quan trắc:

05/12/2022

Ngày phân tích:

05 - 12/12/2022



VILAS 568

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả hàm lượng tuyệt đối	QCVN 50:2013/BTNMT	
				BT M12051451	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)	Hàm lượng tuyệt đối có sở H (ppm)
01	pH		US EPA Method 9045C+ US EPA Method 9045D	5,1	-	-
02	As*	ppm	TCVN 8963 - 2011 & SMEWW 3114B - 2017	< 0,33	10,44	40
03	Cd*	ppm	TCVN 8963 - 2011 & SMEWW3111B - 2017	1,43	2,61	10
04	Pb*	ppm		10,91	78,30	300
05	Zn*	ppm		48,37	1.305,00	5.000
06	Cr ⁶⁺	ppm	US EPA Method 3060A+ US EPA Method 7196A	< 2,0	26,10	100

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

BT1: Mẫu lấy lúc 08h20' ngày 05/12;

BT2: Mẫu lấy lúc 11h30' ngày 05/12;

BT3: Mẫu lấy lúc 16h00' ngày 05/12/2022.

BT: Mẫu bùn thải của 3 mẫu BT1, BT2, BT3.

QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn

thải từ quá trình xử lý nước.

Giá trị ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (Htc, ppm) được tính bằng công thức sau:

$$Htc = \frac{H \cdot (1 + 19 \cdot T)}{20} = 0,261 \cdot H$$

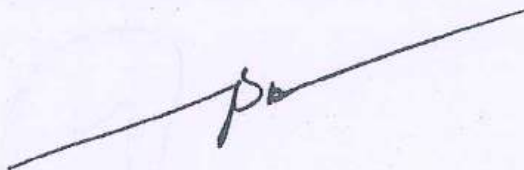
H (ppm) là giá trị hàm lượng tuyệt đối cơ sở
T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải.

$$T = \frac{m_2}{m_1} = \frac{3,87}{17,46} = 0,222$$

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang

Thái Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2022

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Phạm Đình Đề



22

22

[Handwritten signature]



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 07/2024/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 29/12/2023
 Ngày phân tích: 29/12/2023 - 03/01/2024

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M12291298	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	92	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	77	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	0	500	400
04	NOx	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	255	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	10.230	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu ống khói nổi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 07h30' ngày 29/12/2023.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT.

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức $P \leq 20.000$ m³/h nên Kp = 1.

Lần ban hành: 06

Trang: 1/2

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

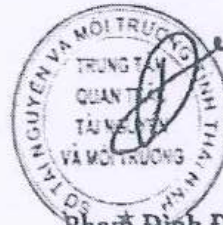
Thái Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2024

KT. Giám đốc

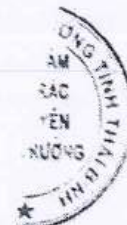
Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Dề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 06 /2024/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, Quận Mỹ Lộc, TP. Hà Nội
 Ngày quan trắc: 29/12/2023
 Ngày phân tích: 29/12/2023 - 03/01/2024



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột A	Cmax
				M12291296	M12291297		
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2023	24,5	23,1	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	8,5	7,3	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	309	< 2,5	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2021	102	6	30	29,7
05	COD*	mg/l	SMEWW 5220C - 2023	377	17	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	54	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2023	< 0,005	< 0,005	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	< 0,003	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2009	0,473	< 0,04	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2023	< 0,1	< 0,1	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,1	< 0,1	-	-
14	Mùi		HDTNNB-101:2020	Có mùi lạ	Không có mùi lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2023	< 1,5	< 1,5	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hố ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải lúc 08h00';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả của công ty ra môi trường lúc 08h15' ngày 29/12/2023.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại

QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên K_q = 0,9.

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50 < F \leq 500 \text{ m}^3/24\text{h}$ nên K_f = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang

Thái Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2024

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 422 /2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Đề, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 19/9/2023
 Ngày phân tích: 19/9 - 02/10/2023



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột A	Cmax
				M09190938	M09190939		
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	35,0	30,2	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	11,5	7,2	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	561	19	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	78	8	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	264	21	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	51	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ , C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	0,43	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B - 2017 TCVN 6658 - 2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB-101:2020	Có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	!
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	< 0,3	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hố ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 08h40';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả của công ty ra môi trường lúc 09h10' ngày 19/9/2023.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Cmax được tính theo công thức:

$$C_{\max} = C \times K_q \times K_r = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên $K_q = 0,9$.

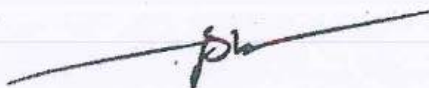
- Kr là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50 < F \leq 500 \text{ m}^3/24\text{h}$ nên $K_r = 1,1$.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{\max} = C$ đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang

Thái Bình, ngày 15 tháng 10 năm 2023

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 423 /2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 1, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 19/9/2023
 Ngày phân tích: 19/9 - 02/10/2023

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M09190940	Cột B	C _{max}
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	115	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	318	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	60	500	400
04	NO _x	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	155	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.600	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu ống khói nổi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 08h00' ngày 19/9/2023.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.
- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức $P \leq 20.000$ m³/h nên K_p = 1.

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 05 tháng 10 năm 2023

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 359/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 11/8/2023
 Ngày phân tích: 11 - 23/8/2023



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1 M08110838	NT2 M08110839	Cột A	Cmax
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	33,0	31,5	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	11,6	7,5	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	878	18	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	201	3	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	624	< 10	75	74,5
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	90	< 5	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	0,442	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B-2017 & TCVN 6658-2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	0,191	0,188	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB-101:2020	Có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	15,60	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hố ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải lúc 08h00';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả của công ty ra môi trường lúc 08h30' ngày 11/8/2023.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên K_q = 0,9.

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50 < F \leq 500 \text{ m}^3/24\text{h}$ nên K_f = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

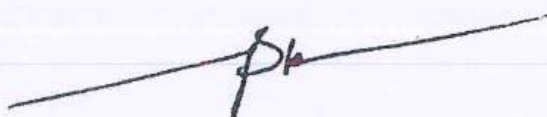
(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

Thái Bình, ngày 23 tháng 8 năm 2023

KT. Giám đốc

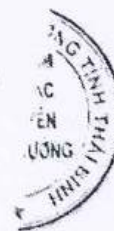
Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 360/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 11/8/2023
 Ngày phân tích: 11 - 23/8/2023

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M08110840	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	112	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	108	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	0	500	400
04	NO _x	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	24	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	10.000	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu ống khói nồi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 07h30' ngày 11/8/2023.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức

$P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ nên $K_p = 1$.

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên Kv = 0,8.
(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc.Trang



Phạm Đình Dề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016
 Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 *Mã số VILAS 568
 Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 272/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Nước thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 21/6/2023
 Ngày phân tích: 21 - 27/6/2023



Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích		QCVN 13-MT: 2015/BTNMT	
				NT1	NT2	Cột A	Cmax
				M06210671	M06210672		
01	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B - 2017	27,8	28,0	40	40
02	pH		TCVN 6492 - 2011	11,2	7,6	6 - 9	6 - 9
03	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185 - 2015	434	21	50	49,5
04	BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2008	202	10	30	29,7
05	COD*	mg/l	TCVN 6491 - 1999	530	36	75	74,3
06	TSS*	mg/l	TCVN 6625 - 2000	55	10	50	49,5
07	CN ⁻	mg/l	SMEWW 4500-CN ⁻ . C&E:2017	< 0,006	< 0,006	0,07	0,069
09	Cr ⁶⁺ *	mg/l	TCVN 6658 - 2000	< 0,014	< 0,014	0,05	0,0495
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622-1:2000	0,425	< 0,03	5	4,95
11	Cr ³⁺	mg/l	SMEWW 3111B-2017 & TCVN 6658-2000	< 0,04	< 0,04	-	-
12	Cu*	mg/l	SMEWW 3111B - 2017	< 0,04	< 0,04	-	-
13	Fe*	mg/l		< 0,05	< 0,05	-	-
14	Mùi vị		HDTNNB-101:2020	Mùi khó chịu	Không có mùi, vị lạ	-	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	< 0,3	< 0,3	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

NT1: Mẫu nước thải lấy tại hồ ga thu gom trước hệ thống xử lý nước thải của công ty lúc 13h50';

NT2: Mẫu nước thải lấy tại cửa xả của công ty ra môi trường lúc 14h00' ngày 21/6/2023.

QCVN 13-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. C_{max} được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_q \times K_f = 0,99 \times C$$

Trong đó:

- C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp dệt nhuộm quy định tại QCVN 13-MT:2015/BTNMT.

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải. Vì nguồn tiếp nhận thải của công ty là mương thủy lợi, không có số liệu về lưu lượng dòng chảy nên K_q = 0,9.

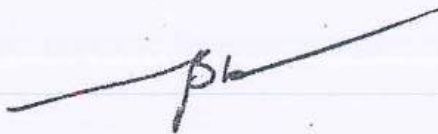
- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nước thải của công ty nằm trong khoảng $50 < F \leq 500 \text{ m}^3/24\text{h}$ nên K_f = 1,1.

Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C đối với các thông số: Nhiệt độ, pH.

(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

(*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích



Bùi Ngọc Trang

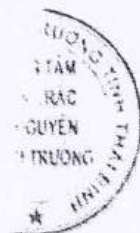
Thái Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2023

KT. Giám đốc

Phó Giám đốc



Phạm Đình Đề





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI BÌNH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường *Mã số VIMCERTS 016

Chứng chỉ công nhận phù hợp yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC17025:2017 *Mã số VILAS 568

Địa chỉ: Đường số 20, tổ 12, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Điện thoại: 0227.3644.139 Email: cem.thaibinh@gmail.com

Số: 273/2023/KQQT

PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu: Khí thải
 Địa điểm quan trắc: Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
 Địa chỉ: Số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 01, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình
 Ngày quan trắc: 21/6/2023
 Ngày phân tích: 21 - 27/6/2023

Số TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Phương pháp xác định	Kết quả phân tích	QCVN19:2009/BTNMT	
				KT1 M06210673	Cột B	Cmax
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	104	200	160
02	CO	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 04	120	1.000	800
03	SO ₂	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 05	0	500	400
04	NO _x	mg/Nm ³	ĐNHT.KT - 06; 07	30	850	680
05	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	9.500	-	-

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

KT1: Mẫu khí thải lấy tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói nổi hơi 04 tấn/h của công ty lúc 13h20' ngày 21/6/2023.

QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³). Cmax được tính theo công thức:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v = 0,8 \times C$$

Trong đó:

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ qui định tại QCVN 19:2009/BTNMT.

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải. Vì tổng lưu lượng nguồn thải của công ty nằm ở mức $P \leq 20.000$ m³/h nên $K_p = 1$.

- Kv là hệ số vùng, khu vực. Vì công ty nằm trong thành phố nên $Kv = 0,8$.

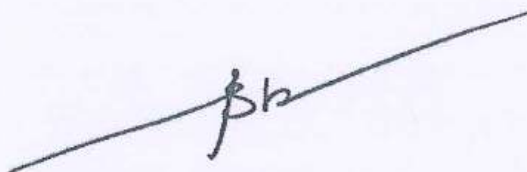
(-): Thông số không quy định trong quy chuẩn.

Thái Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2023

Phó Trưởng phòng quan trắc, phân tích

KT. Giám đốc

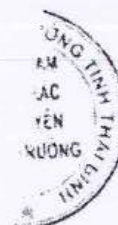
Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Trang



Phạm Đình Đề





CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-011

Địa chỉ (Address): Số 288, đường Trần Hưng Đạo, Phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành Phố - Số TK: 471 10000055599 - Tại NH: Ngân hàng ĐT và PTTB



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPP

Số (No): 71882

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Mã số thuế (Tax code): 1000217967

Địa chỉ (Address): Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bồ Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB

Mã khách hàng (Customer's Code): PA09010102209

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	24.087	-	49.896.853
	(kèm theo bảng kê số 1399190302 ngày 31 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					49.896.853
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GIGT (VAT amount):			3.991.748
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			53.888.601
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm linh một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: Công ty Điện Lực Thái Bình - Chi
Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 31/01/2024 19:35:38



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-011

Địa chỉ (Address): Số 288, đường Trần Hưng Đạo, Phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành Phố - Số TK: 4711000055599 - Tại NH: Ngân hàng ĐT và PTTB



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPP

Số (No): 152085

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Mã số thuế (Tax code): 1000217967

Địa chỉ (Address): Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bồ Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB

Mã khách hàng (Customer's Code): PA09010102209

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	20.599	-	42.901.626
	(kèm theo bảng kê số 1411290139 ngày 29 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.901.626
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.432.130
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			46.333.756
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: Công Ty Điện Lực Thái Bình - Chi
Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 29/02/2024 20:46:16



Công ty Điện Lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc

Điện lực Thành Phố

Số 36 Phố Hoàng Diệu, phường Lê Hồng Phong, Thành Phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
MST: 0100100417-011
Số tài khoản: 47110000055599 - Ngân hàng ĐT Và PTTB

19006769

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

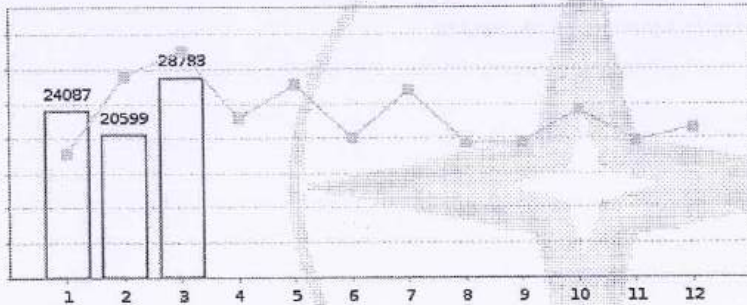
Khách hàng Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công
Địa chỉ Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bò Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB
Điện thoại 0975489223
Email nhov1971@gmail.com
Mã số thuế 1000217967

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 3/2024 (31 ngày từ 01/03/2024 đến 31/03/2024)

Tổng số điểm đo đếm: 2

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ hóa đơn: 28.783 kWh



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 1 : PA09010102209001

Địa chỉ lắp công tơ: Tổ 16 Bò Xuyên TPTB-lộ 975E11.3
Mục đích sử dụng điện 100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Số hộ sử dụng điện 1
Cấp điện áp sử dụng Dưới 380V

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
18338204				
Khung giờ bình thường - Tháo ngày 30/03/2024	80	2.510,51	2.510,51	0
Khung giờ cao điểm - Tháo ngày 30/03/2024	80	622,51	622,51	0
Khung giờ thấp điểm - Tháo ngày 30/03/2024	80	240,72	240,72	0
Khung giờ bình thường	80	2.739,147	2.510,51	18.291
Khung giờ cao điểm	80	688,092	622,51	5.247
Khung giờ thấp điểm	80	247,861	240,72	571

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	18.291	33.088.419
Khung giờ cao điểm	3.314	5.247	17.388.558
Khung giờ thấp điểm	1.184	571	676.064

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 2 : PA09010102209005



Mã khách hàng

PA09010102209



Số tiền thanh toán

65.653.343 đồng



Hạn thanh toán

07/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

zalo.me/evnnpc

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

Được ký bởi: Công Ty Điện Lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 31/03/2024

Địa chỉ lắp công tơ: Tổ 16 Bồ Xuyên TPTB-lq 975E11.3
Mục đích sử dụng điện 100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng Dưới 380V

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
2210576687				
Khung giờ bình thường	1	28.227	25.462	2.765
Khung giờ cao điểm	1	10.350	9.235	1.115
Khung giờ thấp điểm	1	8.144	7.350	794

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	2.765	5.001.885
Khung giờ cao điểm	3.314	1.115	3.695.110
Khung giờ thấp điểm	1.184	794	940.096

TỔNG CỘNG

Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)	28.783
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)	60.790.132
Thuế suất GTGT	8%
Thuế GTGT (đồng)	4.863.211
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)	65.653.343

Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng.



Công ty Điện Lực Thái Bình - Chi Nhánh Tổng Công ty Điện Lực
Miền Bắc

EVN

Điện Lực Thành Phố

Số 36 Phố Hoàng Diệu, phường Lê Hồng Phong, Thành Phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
MST: 0100100417-011

19006769

Số bảng kê:
1435678573

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 313069 ngày 30 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu
Thành Công

Địa chỉ

Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bò Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB

Điện thoại

0975489223

Email

nhov1971@gmail.com

Mã số thuế

1000217967

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 4/2024 (30 ngày từ 01/04/2024 đến 30/04/2024)

Tổng số điểm đo đo đếm: 2

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ hóa đơn: 24.602 kWh

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 1 : PA09010102209001

Địa chỉ lắp công tơ:

Tổ 16 Bò Xuyên TPTB-lộ 975E11.3

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Số hộ sử dụng điện

1

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM

HỆ SỐ NHẬN

CHỈ SỐ MỚI

CHỈ SỐ CŨ

ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)

18338204

Khung giờ bình thường - Tháo ngày
01/04/2024

80

2.739,147

2.739,147

0

Khung giờ cao điểm - Tháo ngày
01/04/2024

80

688,092

688,092

0

Khung giờ thấp điểm - Tháo ngày
01/04/2024

80

247,861

247,861

0

Khung giờ bình thường

80

2.939,388

2.739,147

16.019

Khung giờ cao điểm

80

739,657

688,092

4.125

Khung giờ thấp điểm

80

254,608

247,861

540

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN

ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)

SẢN LƯỢNG (kWh)

THÀNH TIỀN (đồng)

Khung giờ bình thường

1.809

16.019

28.978.371

Khung giờ cao điểm

3.314

4.125

13.670.250

Khung giờ thấp điểm

1.184

540

639.360

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 2 : PA09010102209005

Địa chỉ lắp công tơ:

Tổ 16 Bò Xuyên TPTB-lộ 975E11.3

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM

HỆ SỐ NHẬN

CHỈ SỐ MỚI

CHỈ SỐ CŨ

ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)

2210576687

Khung giờ bình thường

1

30.570

28.227

2.343

Khung giờ cao điểm

1

11.194

10.350

844

Khung giờ thấp điểm

1

8.875

8.144

731



Mã khách hàng

PA09010102209



Số tiền thanh toán

55.284.107 đồng



Hạn thanh toán

07/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

☎ 19006769

✉ cskh@npc.com.vn

🌐 <https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

📞 zalo.me/evnnpc

📱 Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: Công Ty Điện Lực Thái Bình - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 30/ 04/ 2024 18:43:11

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	2.343	4.238.487
Khung giờ cao điểm	3.314	844	2.797.016
Khung giờ thấp điểm	1.184	731	865.504

TỔNG CỘNG

Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)	24.602	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)		51.188.988
Thuế suất GTGT		8%
Thuế GTGT (đồng)		4.095.119
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)		55.284.107

Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn một trăm linh bảy đồng.





CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-011

Địa chỉ (Address): Số 288, đường Trần Hưng Đạo, Phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành Phố - Số TK: 4711000055599 - Tại NH: Ngân hàng ĐT và PTIB



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPP

Số (No): 393824

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Mã số thuế (Tax code): 1000217967

Địa chỉ (Address): Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bô Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB

Mã khách hàng (Customer's Code): PA09010102209

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	25.582	-	53.140.873
	(kèm theo bảng kê số 1449184655 ngày 31 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					53.140.873
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.251.270
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			57.392.143
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: Công ty Điện Lực Thái Bình - Chi
Nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 31/05/2024 20:35:44



Công ty Điện Lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc

19006769

Điện lực Thành Phố

Số 36 Phố Hoàng Diệu, phường Lê Hồng Phong, Thành Phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MST: 0100100417-011

Số tài khoản: 47110000055599 - Ngân hàng ĐT Và PTTB

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

Công ty TNHH dệt may xuất khẩu
Thành Công

Địa chỉ

Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bò Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB

Điện thoại

0975489223

Email

nhov1971@gmail.com

Mã số thuế

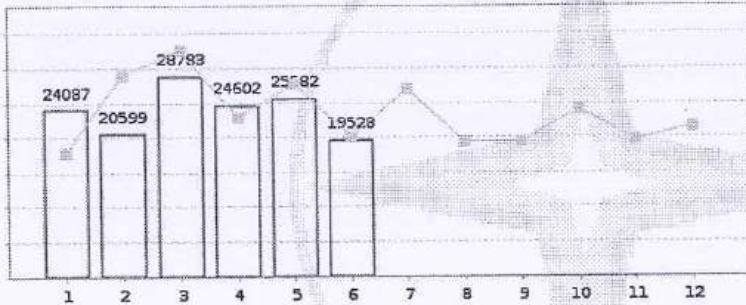
1000217967

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 6/2024 (30 ngày từ 01/06/2024 đến 30/06/2024)

Tổng số điểm đo đếm: 2

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ hóa đơn: 19.528 kWh



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 1 : PA09010102209001

Địa chỉ lắp công tơ: Tổ 16 Bò Xuyên TPTB-lô 975E11.3

Mục đích sử dụng điện: 100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Số hộ sử dụng điện: 1

Cấp điện áp sử dụng: Dưới 380V

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
18338204				
Khung giờ bình thường	80	3.280,596	3.144,184	10.913
Khung giờ cao điểm	80	829,721	792,185	3.003
Khung giờ thấp điểm	80	267,522	261,467	484

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	10.913	19.741.617
Khung giờ cao điểm	3.314	3.003	9.951.942
Khung giờ thấp điểm	1.184	484	573.056

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 2 : PA09010102209005

Địa chỉ lắp công tơ: Tổ 16 Bò Xuyên TPTB-lô 975E11.3

Mục đích sử dụng điện: 100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng: Dưới 380V

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
----------------	------------	------------	-----------	---------------------



Mã khách hàng

PA09010102209



Số tiền thanh toán

43.751.515 đồng



Hạn thanh toán

07/07/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

☎ 19006769

✉ cskh@npc.com.vn

🌐 <https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

📞 zalo.me/evnnpc

📱 Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



IOS



Android

Được ký bởi: Công Ty Điện Lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 30/06/2024

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (KWH)
2210576687				
Khung giờ bình thường	1	36.360	33.259	3.101
Khung giờ cao điểm	1	13.173	12.124	1.049
Khung giờ thấp điểm	1	10.681	9.703	978

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (KWH)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.809	3.101	5.609.709
Khung giờ cao điểm	3.314	1.049	3.476.386
Khung giờ thấp điểm	1.184	978	1.157.952

TỔNG CỘNG

Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)	19.528
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)	40.510.662
Thuế suất GTGT	8%
Thuế GTGT (đồng)	3.240.853
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)	43.751.515

Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười lăm đồng.





CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÁI BÌNH - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-011

Địa chỉ (Address): Số 288, đường Trần Hưng Đạo, Phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Thành Phố - Số TK: 47110000055599 - Tại NH: Ngân hàng ĐT và PTTB



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPP

Số (No): 152085

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH dệt may xuất khẩu Thành Công

Mã số thuế (Tax code): 1000217967

Địa chỉ (Address): Số 15 Trần Quang Khải, Tổ 16 P. Bỏ Xuyên, TP Thái Bình, tỉnh TB

Mã khách hàng (Customer's Code): PA09010102209

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	20.599	-	42.901.626
	(kèm theo bảng kê số 1411290139 ngày 29 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.901.626
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.432.130
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			46.333.756
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: Công ty Điện Lực Thái Bình - Chi
Nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 29/02/2024 20:46:16



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH
Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220. 3717555 Fax: 0220. 3717555

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

***“V.v vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
và chất thải công nghiệp thông thường”***

Số: 067/21/HĐKT/TC-AS

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17/06/2020.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 23/06/2014.

- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của thủ tướng chính phủ về việc “quản lý chất thải và phế liệu”

- Căn cứ thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực thi hành ngày 15/07/2015.

- Căn cứ nhu cầu xử lý chất thải của Công ty TNHH Dệt may xuất khẩu Thành Công và khả năng của Công ty CP công nghệ môi trường An Sinh.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2022, tại Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

Địa chỉ :Số 15 Đường Trần Quang Khải, Tổ 1, Phường Bồ Xuyên, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Mã số thuế: 1000217967

Tài khoản : 102010000358602 Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt nam chi nhánh Thái Bình.

Điện thoại : 02273733612

Fax: 02273.738.999

Đại diện : Ông Trần Xuân Sang

Chức vụ: Giám Đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ : Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại : 0220.3717555

Fax: 0220 3717555

Mã số thuế : 0800754983

Tài khoản số : 23183660001 Ngân hàng TMCP Sài Gòn – CN Hải Dương

Đại diện : Ông Hà Văn Tĩnh

Chức vụ: P. Giám đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại , công nghiệp thông thường này (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với những điều khoản sau:



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH
Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220. 3717555 Fax: 0220. 3717555

ĐIỀU I. NỘI DUNG, PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ ĐỊA ĐIỂM XỬ LÝ

- Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A đến địa điểm xử lý tại nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

ĐIỀU II. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, SỐ LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- **Đặc tính chất thải:** Chất thải nguy hại, công nghiệp thông thường.

STT	Tên chất thải	ĐVT	Trạng thái	Mã CTNH	Phương pháp xử lý
I	Chất thải nguy hại				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	Rắn	16 01 06	Phá dỡ
2	Giẻ lau dầu mỡ	Kg	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt
3	Dầu thải	Kg	Lỏng	17 02 03	Thiêu đốt
4	Vỏ can, vỏ thùng bằng nhựa	Kg	Rắn	18 01 03	Tẩy rửa
5	Than hoạt tính	Kg	Rắn	12 01 04	Thiêu đốt, hóa rắn
II	Chất thải công nghiệp thông thường				
1	Xi than	Kg	Rắn		Thiêu đốt, hóa rắn
2	Bùn thải thông thường từ hệ thống xử lý nước thải	Kg	Rắn		Thiêu đốt, hóa rắn

- **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu giữ chất thải của bên A.

- **Địa điểm lưu giữ và xử lý:** Tại nhà máy xử lý chất thải công nghiệp của Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- **Số lượng:** Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B. Hai bên sẽ cùng xác nhận về số lượng chất thải bàn giao, làm căn cứ cho việc thanh toán sau này.

- **Phương tiện vận chuyển:** Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

- **Thời gian thực hiện:** Trong vòng 48 giờ sau khi nhận được yêu cầu bằng Fax, điện thoại, hoặc email của bên A, bên B sẽ bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

ĐIỀU III. ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

3.1. Chất thải xử lý:



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH
Địa chỉ: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
Điện thoại: 0220. 3717555 Fax: 0220. 3717555

ĐIỀU V. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam... thì:

- Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

ĐIỀU VI. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành phụ lục hợp đồng và là bộ phận không thể tách rời với hợp đồng này.

- Hai bên không được chuyển nhượng, giao bán hợp đồng này hay bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào trong hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản giữa hai bên.

- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải giữa các bên. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết cuối cùng bởi tòa án kinh tế Hải Dương.

ĐIỀU VII. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2022. Khi hết thời hạn hợp đồng nếu không có gì vướng mắc giữa hai bên thì hợp đồng coi như đã được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện.



GIÁM ĐỐC
Trần Xuân Sang

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Văn Tĩnh

THÁI BÌNH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 06/012/2023/449/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh GPMT số: 449/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương DT: 0220 3717 555
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Phong Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương DT: 0220 3717 555

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG Mã số QLCTNH:
Địa chỉ VP: Số 15 Đường Trần Quang Khải Tổ 1, Phường Bồ Xuyên, Tp Thái Bình, tỉnh DT: 02273733612
Thái Bình. DT: 02273733612
Địa chỉ cơ sở: Số 15 Đường Trần Quang Khải Tổ 1, Phường Bồ Xuyên, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	3	Nghiên, HR
2	Giẻ lau dầu mỡ		x		18 02 01	146	TĐ, HR
3	Dầu thải	x			17 02 03	14	Phối trộn, TĐ
4	Vỏ can, vỏ thùng bằng nhựa	x			18 01 03	375	Tẩy rửa
5	Than hoạt tính	x			12 01 04	25	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (Nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa nhập khẩu:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

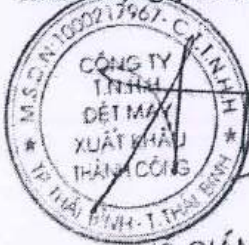
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20427

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Văn Hách. Ký: *Phạm Văn Hách* Ngày: 01/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thái Bình, ngày 01 tháng 12 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hương

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày...8... tháng...12... năm 2023 *Nguyễn Trọng Quang*



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Quang

@Liên số: 10 - 30 - 40



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thái Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2006

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Giấy phép này thay thế giấy phép số: Số: 48/GP/XD ngày 19/10/2004)

Xây dựng mới	X
Cải tạo, sửa chữa	

1-Cấp cho: CÔNG TY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố T.B, tỉnh Thái Bình.

Giấy phép XD công trình: Hệ thống xử lý nước thải.

Hạng mục: Bể làm nguội 1 (số 19); Bể làm nguội 2 (số 20); Bể xử lý nước thải (số 21).

Theo thiết kế có ký hiệu: Gồm tổng mặt bằng, các mặt cắt, MB móng và chi tiết kết cấu.

Do: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình-Sở Xây dựng TB - thiết lập 9/2006.

Trên lô đất: Diện tích: 2.650,4m² (Hai nghìn sáu trăm năm mươi lẻ bốn m²).

-Diện tích xây dựng: Bể làm nguội 1: 75m²; Bể làm nguội 2: 60m²; Bể xử lý nước: 263m².

Tổng diện tích xây dựng: 398m².

-Độ cao nền: Bể làm nguội 1: -2m; Bể làm nguội 2: -2m; Bể xử lý nước: -2m so với sân đường nội bộ.

-Chiều cao: Bể làm nguội 1: 2,5m; Bể làm nguội 2: 2,5m; Bể xử lý nước: 5m.

-Chỉ giới xây dựng: Trong khuôn viên đất mới được thuê, cách tường dậu hiện có là: 2,90m (theo tổng mặt bằng duyệt ngày 18/10/2006).

Tại cụm công nghiệp Tiên phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất: Theo quyết định số 2377/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình ngày 29/9/2004.

2-Chủ đầu tư phải thực hiện những điều sau đây:

- Khi XD, yêu cầu doanh nghiệp phải đảm bảo hành lang an toàn đường điện cao thế.

-Tự chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế và chất lượng công trình sau xây dựng.

-Phải đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

-Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của những người có liên quan, các công trình của cơ quan liên kế.

-Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư và xây dựng và giấy phép xây dựng này.

-Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép XD đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

-Xuất trình giấy phép XD cho chính quyền sở tại trước khi khởi công XD và yết báo phối cảnh công trình, số giấy phép, tên đơn vị thiết kế, đơn vị thi công, ngày hoàn thành tại địa điểm XD công trình.

-Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép XD.

-Khi XD xong, chủ đầu tư phải báo cho cơ quan cấp phép hướng dẫn lập hồ sơ hoàn công gửi cho cơ quan cấp giấy phép XD. Giấy phép XD có kèm theo biên bản kiểm tra công trình (trang sau) mới có giá trị đăng ký quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công trình.

-Thời hạn hoàn thành công trình 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép XD. Quá thời hạn trên thì phải xin giấy phép gia hạn./. ⚡

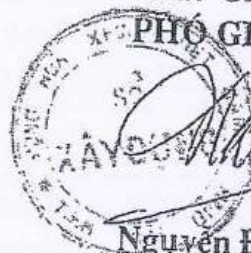
Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP;

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Đào

Thái Bình, ngày 01 tháng 01 năm 2017

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. SƠ ĐỒ

B. THUYẾT MINH QUY TRÌNH VẬN HÀNH

I/ XỬ LÝ HẠ NGUỘI NƯỚC THẢI:

1.- Kiểm tra nhân viên sản xuất tẩy – nhuộm thực hiện đúng việc xả nước thải theo hai (02) đường: Nước có nhiệt có hóa chất vào đường ống thu gom đưa về bể hạ nhiệt và Nước không có nhiệt không có hóa chất vào đường thu gom dẫn về bể vi sinh.

2.- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước thải để phát hiện công nhân SX tẩy nhuộm có thực hiện đúng quy định trên hay không và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của công nhân.

3.- Thường xuyên vệ sinh giỏ lọc bông và tạp chất ở 2 đường nước thải kể trên mỗi ngày 2 đến 3 lần, đảm bảo cho dòng chảy được thông suốt, không ảnh hưởng đến hoạt động xử lý toàn trạm. Đồng thời phát hiện những điểm rò rỉ của nước thải ra ngoài đường thải, có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi vệ sinh xong giỏ lọc bông phải đậy nắp bể kín lại ngay.

4.- Đường nước hạ nguội cho nước thải phải hoạt động đạt mức quy định và liên tục để hạ nguội cho nước thải. Đồng thời cung cấp đủ nước nóng cho sản xuất của phân xưởng

5.- Kiểm tra sản phẩm nước thải sau khi hạ nguội hàng ngày đảm bảo dưới 35°C và có biện pháp ngăn ngừa không để nước thải sau quá trình hạ nguội có nhiệt độ trên 35°C.

II/ XỬ LÝ ĐỘ PH CỦA NƯỚC THẢI:

1.- Hạ độ PH cho nước thải bằng việc cho nước thải chảy qua hệ thống bể xỉ than chìm và 10 ô bể nổi để nước thải được tiếp xúc với xỉ than có nồng độ Axít cao để trung hòa và khử mùi, làm giảm độ PH của nước thải (Từ 13 xuống 9-10).

2.- Mỗi ngày phải thay xỉ than để hạ độ PH từ 1 đến 2 ô bể, đảm bảo độ PH của nước thải luôn ổn định.

4.- Sau mỗi lần thay xỉ than ở các ô bể phải vệ sinh sạch sẽ đường đi lối lại, khu vực bể thay và các khu vực có liên quan. Đồng thời che đậy kín mặt bể.

5.- Hàng ngày phải kiểm tra độ PH sau xử lý từ 2 đến 3 lần tại ô bể số 11, đảm bảo cho nước thải đạt độ PH theo quy định trên và có biện pháp ngăn ngừa, không để cho nước thải sau xử lý vượt quá mức quy định.

III/ XỬ LÝ VI SINH:

1.- Dùng vi khuẩn hiếm khí, kỵ khí để phân hủy hết các tạp chất hữu cơ, vô cơ, hóa chất tồn dư trong nước thải. Bằng việc cho hệ thống bơm, bể ...vv.. tự động vận hành khuấy đảo, tuần hoàn nước thải, đưa nước thải từ bể trung hòa lên đáy bể ô số 1 rồi dâng dần lên mặt bể, nước được thu lại đưa xuống đáy bể ô số 2 rồi dâng dần lên mặt bể..vv.. Và cứ như vậy nước thải được đưa sang bể 4;5..vv.. đến bể ô số 16 với thời gian vận hành từ 3 đến 5 ngày trên hệ thống bể vi sinh. Trong thời gian vận hành tại các bể vi sinh, vi khuẩn được nuôi cấy, phát triển, đã phân hủy hết các tạp chất hữu cơ, vô cơ, hóa chất tồn dư trong nước thải mà không cần nhiều đến không khí, tạo điều kiện tốt cho công đoạn xử lý hóa lý về sau để làm sạch nước thải.

2.- Duy trì lưu lượng bơm tự động $25\text{m}^3/\text{h}$ qua biến tần 50HZ.

3.- Vệ sinh sạch sẽ hệ thống xử lý vi sinh và các tấm kính đáy trên bể.

4.- Thường xuyên kiểm tra hệ thống bơm, bể, ống dẫn nước thải từ bể trung hòa lên bể ô số 1 và đến bể ô số 16 được thông suốt, không bị tràn, rò rỉ, ách tắc cản trở cho công đoạn xử lý vi sinh.

5.- Kiểm tra chất lượng nước thải xử lý vi sinh một ngày 2 lần tại van lấy nước ô 16.

IV/ LẤY VÀ PHA HÓA CHẤT ĐỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.- Lấy hóa chất về xử lý

1.1 Công nhân được giao nhiệm vụ vận hành hệ thống xử lý môi trường phải dự kiến được bao nhiêu mét khối nước thải cần xử lý cho thời gian từ 12 giờ trưa ngày hôm trước đến 12 giờ trưa ngày hôm sau (24 giờ).

1.2 Đề xuất số lượng từng loại hóa chất cần lấy trình Lãnh đạo duyệt.

1.3 Mang dụng cụ và sổ nhập hóa chất được duyệt đến gặp thủ kho phân xưởng nhận hóa chất. Nhận đúng số lượng, chất lượng từng loại hóa chất được duyệt ở trên.

1.4 Sau khi nhận xong từng loại hóa chất thì cùng với thủ kho ký giao nhận vào sổ giao nhận hóa chất.

1.5 Đưa hóa chất về vị trí pha, trộn an toàn.

2. Pha hóa chất xử lý thành dung dịch

2.1 Thời gian pha dung dịch hóa chất: Khi mực hóa chất trong bồn cấp cho bơm định lượng xuống đến mức Quy định trên ống thủy thì phải pha ngay dung dịch hóa chất cho hệ thống hóa – lý hoạt động xử lý nước thải.

2.2 Ngắt, dừng hệ thống hóa – lý hoạt động.

2.3 Công thức pha hóa chất thành dung dịch:

Stt	Tên hóa chất	Khối lượng pha (Kg)	
		Hóa chất	Nước sạch
1	Keo tụ	80	1.000
2	Trợ keo tụ	1,1	500
3	Javen	1,0	500

2.4 Cấp đủ nước vào bồn theo công thức trên

2.5 Dùng bơm khuấy đảo 1 phút, sau đó cấp dần hóa chất vào bồn, không được để rơi vãi, vón cục, đổ dồn hóa chất cùng một lúc, làm mất tác dụng của hóa chất, dung dịch.

2.6 Khi cấp hóa chất xong thì khuấy đảo thêm 5 phút, sau đó đưa bơm về chế độ khuấy đảo từ động 1 giờ/ 1 lần khuấy đảo, tránh nắng đọng hóa chất trong bồn.

2.7 Bật lại hệ thống hóa – lý hoạt động bình thường.

- Đối với hóa chất là Trợ keo tụ cũng tiến hành như trên nhưng không phải dùng hệ thống hóa – lý vì pha hóa chất này thành dung dịch qua phễu 0,5 m³/mẻ.

- Đối với hóa chất là Javen thì vừa cấp nước vừa cấp Javen kết hợp với đũa khuấy đảo đến khi đạt 500 lít dung dịch thì dừng khuấy đảo.

- Kết thúc việc pha hóa chất và đầy nắp lại.

V/ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẰNG BIỆN PHÁP HÓA LÝ:

A.- Xử lý nước thải sau vi sinh:

1. Đặt tất cả các bơm định lượng cấp hóa chất đạt mức 45 lít/ giờ.
2. Đặt tất cả các bơm tuần hoàn cấp, đảo nước thải lên bình về bể lắng lọc đạt khối lượng 17,5 m³/giờ bằng biến tần 35/60 HZ.
3. Đặt phao tự động ở mức cách nhau 50cm để đóng mở.
4. Đặt chế độ tự động cho tất cả hệ thống bơm định lượng, bơm cấp, đảo nước thải cùng hoạt động theo Quy trình.
5. Thường xuyên kiểm tra căn chỉnh các bơm cấp hóa chất, cấp nước thải, khuấy đảo đảm bảo đúng số lượng, chất lượng hoạt động chính xác liên tục, ổn định, kết hợp với việc kiểm tra chất lượng nước thải kết tủa, lắng lọc đạt các Quy trình Công ty và nhà nước đề ra về nhiệt độ, độ PH, màu sắc, chất lơ lửng, BOD, COD, kim loại nặng..vv..
6. Hàng ngày vệ sinh 1 lần máy móc, công cụ, khu vực xử lý sạch đẹp, gọn gàng.

VI/ XỬ LÝ KHỬ TRÙNG NƯỚC THẢI TRƯỚC KHI ĐỔ VÀO HỒ KIỂM CHỨNG

1. Pha cấp hóa chất đúng theo quy định của Công ty 1kg Javen khử trùng hòa với 500 lít nước để cấp vào bơm định lượng.
2. Xử lý nước thải bằng bơm tự động với lưu lượng 20 m³/h qua hệ thống khuấy đảo vào bể khử trùng A1 với thời gian khử trùng nước là 3 tiếng đồng hồ.

3. Nước thải sau khi đủ 3 tiếng khử trùng được chuyển sang hồ kiểm chứng A2 bằng đường ống dẫn rồi chảy ra bể chờ để xả ra rãnh tiêu chung.

e. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, hệ thống xử lý nước thải đạt kết quả tốt thường xuyên ổn định.

VII/ THU Bùn VÈ BỂ CHỨA:

1.- Vào các ngày 08;18;28 hàng tháng, nhân viên xử lý môi trường phải tiến hành thu bùn triệt để về bể thu bùn

2.- Phương pháp thu bùn:

a. Mở van bơm vào bể chứa bùn số 1

b. Mở van bơm thu bùn ô số 1 ô 20

c. Bật bơm thu bùn hoạt động

d. Bật đèn chiếu sáng bể chứa bùn và quan sát quá trình vào bể chứa, khi nào thấy đầu bơm bùn vào bể chứa hết bùn và thấy nước không bùn xuất hiện thì dừng bơm hút bùn ở ô số 1 bằng việc ngắt điện cấp vào bơm đồng thời khóa van hút bùn ngăn số 1 ô 20.

- Chuyển thu bùn sang ngăn số 2 ô 20 làm tuần tự như trên bằng việc mở van thu bùn ngăn số 2 ô 20 sau đó bật bơm hút bùn đẩy vào bể chứa bùn số 1 và quan sát đến khi đầu bơm bùn vào bể chứa hết bùn và thấy nước không bùn xuất hiện thì dừng bơm bùn.

- Các ngăn số 3;4 của ô đến các ngăn số 1;2;3;4 ô số 19 và ô 17 ta thu bùn tuần tự như trên.

- Trong quá trình bơm bùn vào bể chứa đến khi nào bể chứa bùn ô số 1 đầy thì đóng van lại và mở van bể chứa ô số 2, bể số 2 đầy thì chuyển sang bể số 3, bể số 3 đầy thì chuyển về ô chứa bùn số 1. Cứ như thế tuần hoàn liên tục quanh năm suốt tháng.

3.- Khi bể chứa bùn ô số 3 sắp đầy thì ta cho thu hết bùn khô ở bể bùn số 1 và số 2 để chuẩn bị cho khi nào bể bùn số 3 đầy thì bơm bùn về ô số 1 và số 2. Và tiếp tục bơm bùn vào ô số 1 và số 2 đến khi gần đầy thì ta thu bùn khô ở bể số 3 và số 1. Cứ như thế làm quanh năm suốt tháng.

4.- Đối với nước bùn chảy ra ở bể chứa thu bùn được tự động chảy về bể chứa. Từ bể chứa có 1 đường ống nhựa Ø 34 dẫn chảy vào bể trung hòa. Công nhân xử lý môi trường điều tiết van chảy đều các ngày vào bể trung hòa cho phù hợp để xử lý lại loại nước thải này, không cho chảy ra ngoài làm ô nhiễm môi trường. Khi loại nước thải này vào bể trung hòa có chứa nhiều vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí giúp cho quá trình phát triển của vi khuẩn phân hủy các tạp chất vô cơ, hữu cơ tăng nhanh ngay từ bể trung hòa làm cho quá trình vi sinh của hệ thống đạt kết quả cao hơn.

5.- Sau mỗi lần thu hết bùn từ tất cả các ngăn vào bể chứa, công nhân làm công việc môi trường phải:

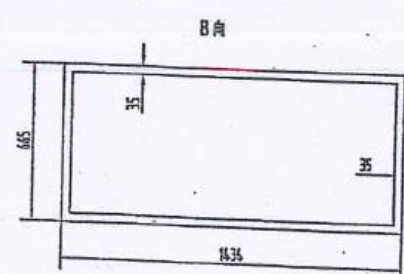
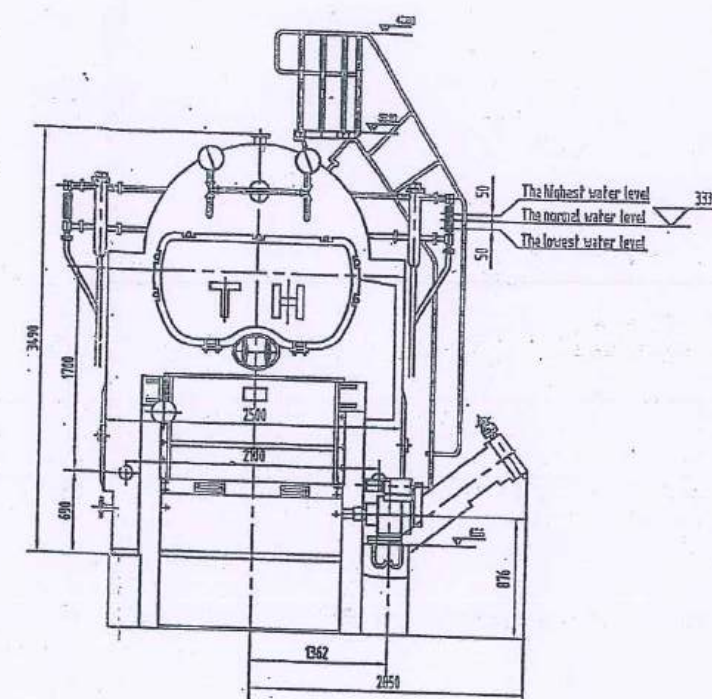
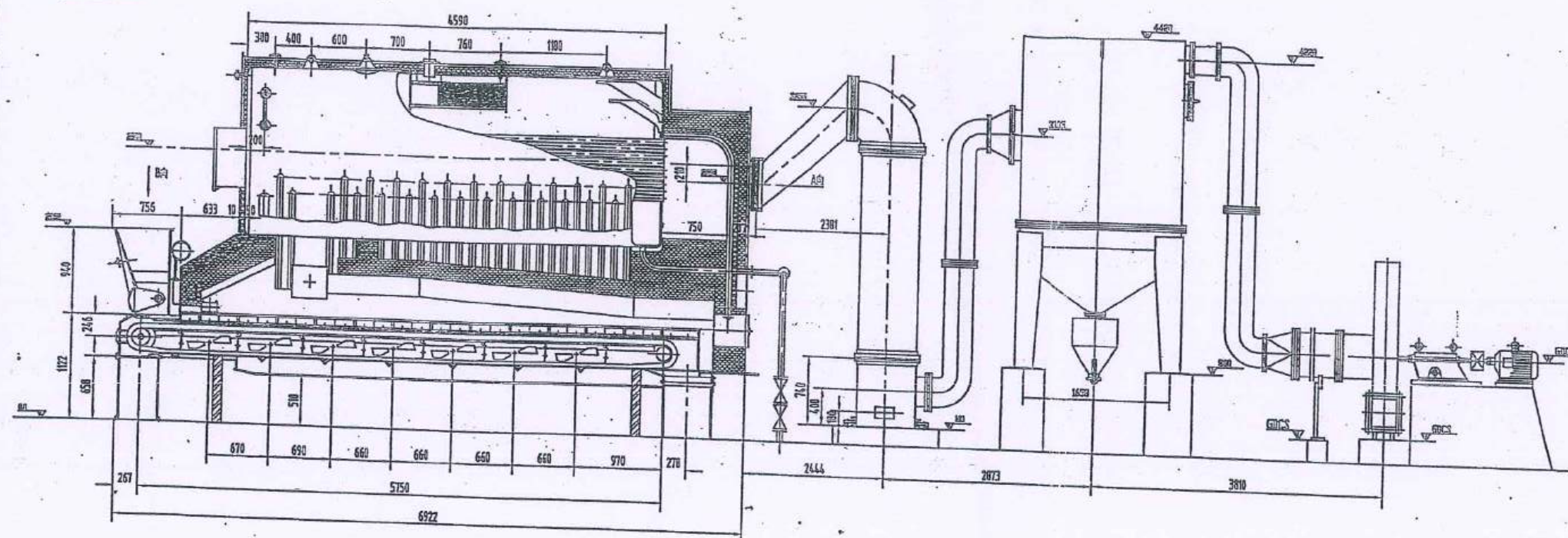
- Lưu ý: Mỗi lần thu bùn từ 4 đến 5 m³ bùn trong 8 ô bể 20; 19.



0-00207



CÔNG TRÌNH TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI

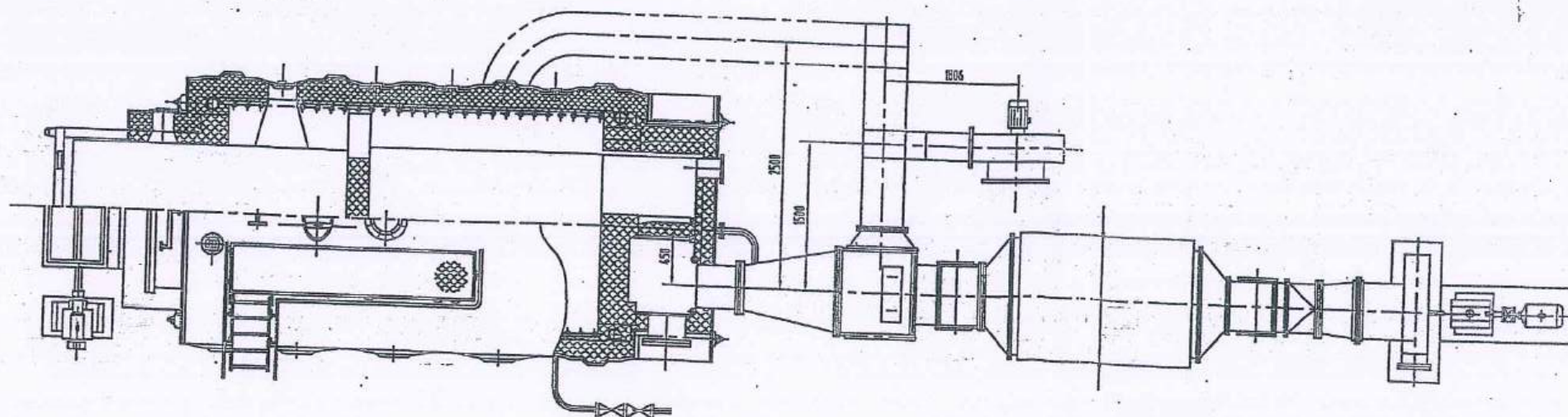


Boiler specifications

Rated Output	4t/h	Rated Steam Pressure	1.25MPa
Feed-water Temperature	20°C	Hydrostatic Test Pressure	1.65MPa
Steam Temperature	193°C	Grate Area	6.67m²
Boiler Efficiency	76.93%	Total Weight	29.15
Boiler Size	8850x4040x1900		
Heating Surface (Boiler)	1326m²	Feed-water Preheater	13.2m²
Rated fuel	25436KJ/Kg	Water volume	V° 284% A° 13.98%

Auxiliaries specifications

Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm
Rated draft fan	Model	GT-18	Rated Power	11.0kW	Rated Speed	1450rpm



Specification:

- The design, fabrication, operation and installation of this boiler should be in conformity with the following standards:
 - "Regulations for Safety and Technical Supervision of Steam Boilers" (Version 1996).
 - JB/T10094-1999 "General Technical Conditions of Industrial Boilers".
 - GB50273-1998 "Code for Construction and Acceptance of Industrial Boiler Installing Engineering".
 - GB1576-2001 "Water Quality Standards of Industrial Boiler".

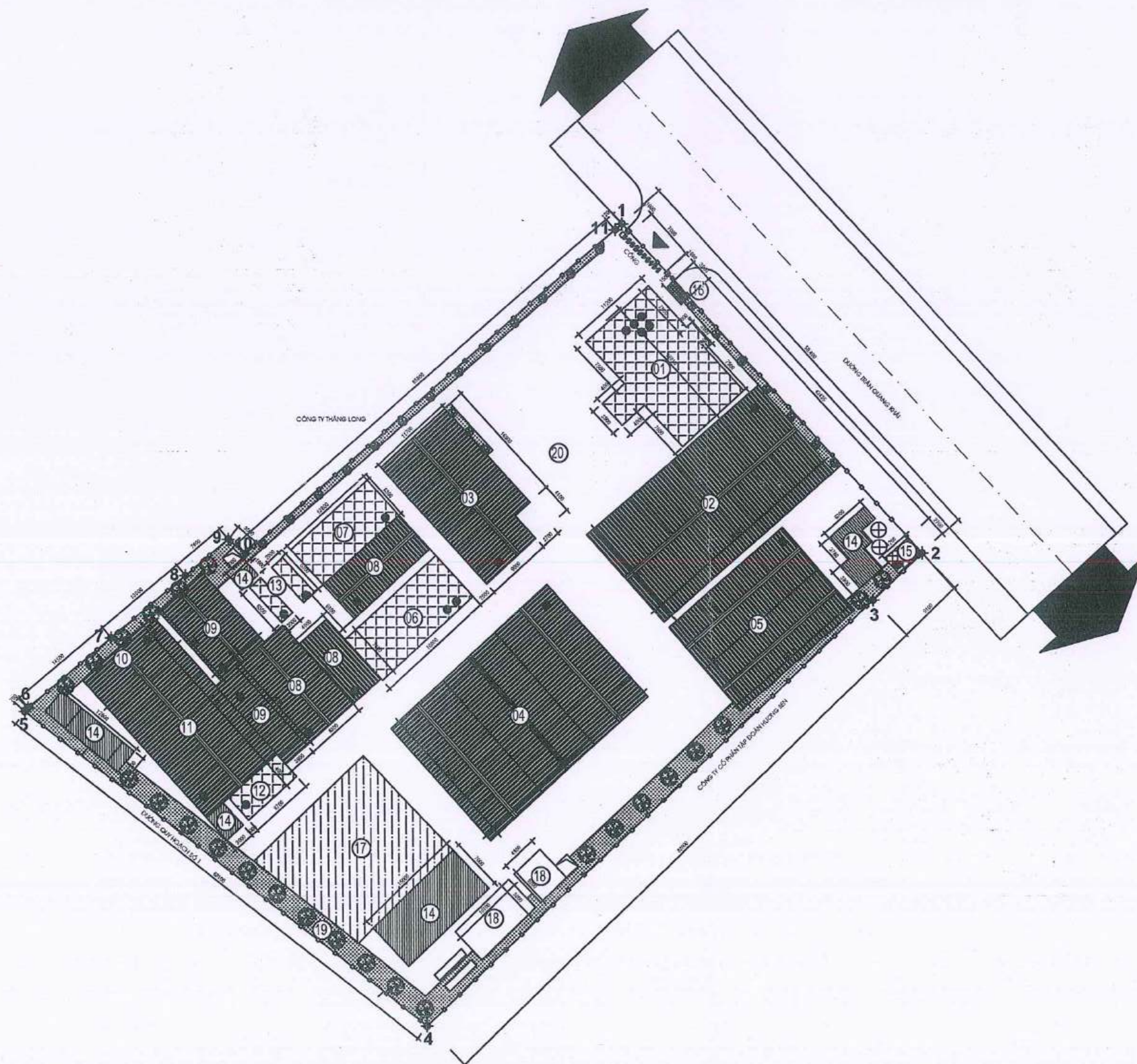
18	4D228-0	Foundation drawing	1	Part			
17		Electric control panel	1	Part			
16	XD-4	Dust collector	1	Part			
15	4D220-0	Flue and air duct	1	Part		1060	
14	1SL14-0A	Spiral ash extractor	1	Part		1095	
13		Governor	1	Part		433.73	
12	4D212-0	Rear side wall plate	1	Part		47	
11	4NT II 5X6-2X1.0B	Iron air preheater	1	Part			
10	19SL10-0	Platform and staircase	1	Part		146.6	
9	4D209-0	Ash falling case	1	Part		56.2	
8	19SL08-0A	Smoke case	1	Part		140.5	
7	TH5008	Fire paking door	1	Part		25.9	
6	TH5007	Fire paking door	2	Part	69	138	
5	4D214-0	Pipeline, gauge, valve	1	Part		337	
4	4D205-0	Furnace wall	1	Part		9856	
3	4D204-0	Heat-insulating layer	1	Part		2824	
2	4D203-0	Travelling grate	1	Part		3955	
1	4D201-0	Boiler proper	1	Part		9034	

No.	Drawing No.	Description	Qty	Material	One Weight	Total Weight	Remarks
General View of Boiler							
4D200-0							
77	70	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
78	71	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
79	72	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
80	73	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
81	74	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
82	75	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
83	76	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
84	77	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
85	78	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
86	79	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
87	80	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
88	81	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
89	82	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
90	83	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
91	84	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
92	85	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
93	86	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
94	87	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
95	88	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
96	89	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
97	90	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
98	91	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
99	92	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124
100	93	Boiler	1	Steel	29152.4	29152.4	124



TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NHÀ MÁY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 15, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI, TỔ 16, PHƯỜNG BỒ XUYỀN, THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH



BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	SỐ LƯỢNG
1	NHÀ ĐIỀU HÀNH	231.11	5
2	NHÀ SẤY KHĂN	469.7	1
3	KHO TRÁNH PHÁM	234.03	1
4	KHO KÌM MỘC	570	1
5	NHÀ NẤU TẤY NHUỘM KHĂN	299.88	1
6	NHÀ NGHỈ TRƯA CÔNG NHÂN	122.04	2
7	NHÀ AN CỘNG NHÂN	74.34	1
8	KHO KHĂN	252.26	1
9	KHO HOÀ CHẤT	150.20	1
10	KHU CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	38.1	1
11	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	276.59	1
12	TRUNG TÂM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG	34.8	1
13	PHỤ VỆ SINH CÔNG NHÂN	26.2	1
14	BỂ NƯỚC NGÂM	222.77	1
15	NHÀ NƠM	11.34	1
16	NHÀ BẢO VỆ	4.5	1
17	ĐÀO THỦY	327	1
18	BỂ HẠ NHỆT	77.48	1
19	CÂY XANH	479.84	1
20	ĐÀN ĐƯỜNG	2250.12	1
TỔNG CỘNG		6052.80	

BẢNG THỐNG KÊ TOA ĐỘ
(HỆ TOA ĐỘ VN 2000)

Số hiệu điểm tọa độ	Tọa độ		Khoảng cách (m)
	X(m)	Y(m)	
1	2263360.6870	587620.8270	59.40
2	2263316.7400	587660.8100	9.10
3	226318.4410	587654.2500	82.60
4	226333.8100	587584.1300	68.10
5	2263395.7200	587540.4700	0.70
6	226296.2900	587540.9100	14.50
7	2263105.5500	587532.1500	13.0
8	226351.8100	587562.1300	7.60
9	226318.6200	587567.9500	3.00
10	226318.6200	587570.2500	65.90
11	2263359.9100	587619.9350	1.20
1	2263360.6870	587620.8270	

KÝ HIỆU :

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
[Symbol]	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
[Symbol]	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
[Symbol]	NHÀ ĐÀO THỦY
[Symbol]	BỂ NƯỚC CAO
[Symbol]	TRUNG TÂM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
[Symbol]	CƠ SỞ KHÁM
[Symbol]	MỐC ĐỊNH VỊ MẶT ĐẤT
[Symbol]	ĐƯỜNG CHỈ DẪN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

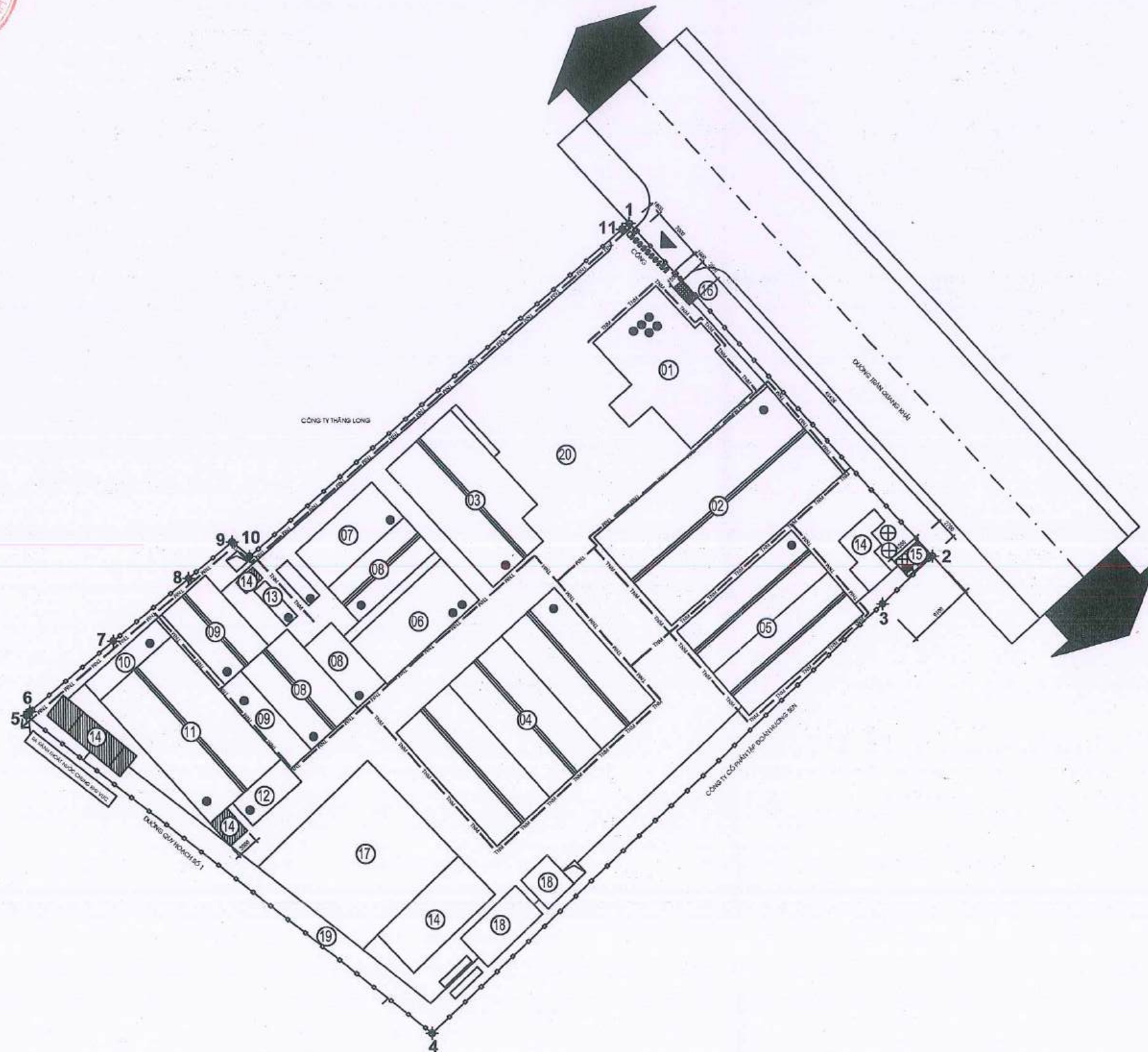
CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG NHÀ MÁY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: SỐ 15, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI, TỔ 16,
PHƯỜNG BỒ XUYỀN, THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ: **MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG**
BẢN VẼ: TKCS - 01 KHỔ: A3 TỶ LỆ: 1/500 THÁNG: 05 NĂM 2024



TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MẶT NHÀ MÁY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 15, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI, TỔ 16, PHƯỜNG BỒ XUYỀN, THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH



BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG CỘNG (m ²)
1	NHÀ ĐIỀU HÀNH	231.11	6
2	NHÀ SÀNG KHAN	466.7	1
3	PHÒNG THÁNH PHÁP	234.63	1
4	PHÒNG SƠ MỘC	870	1
5	NHÀ NẤU TẤM NHIỆM KHẨN	299.85	1
6	NHÀ NGHỈ TRƯA CÔNG NHÂN	122.84	2
7	NHÀ ẮN CÔNG NHÂN	74.34	1
8	PHÒNG KHÁM	252.75	1
9	PHÒNG HOÀ CHẤT	180.70	1
10	PHÒNG CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	36.1	1
11	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	276.89	1
12	TRUNG TÂM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG	34.5	1
13	PHỤ VỆ SINH CÔNG NHÂN	95.2	1
14	BỂ NƯỚC NGẦM	202.77	1
15	NHÀ BƠM	11.34	1
16	NHÀ BẢO VỆ	4.5	1
17	SÂN THẦN	207	1
18	BỂ HỒ NHIỆT	77.48	1
19	CÂY KHANH	479.94	1
20	SÂN DƯNG	2200.12	1
TỔNG CỘNG		6062.80	

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ
(HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000)

Số thứ tự điểm	Toạ độ		Khoảng cách (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2263366.6670	587626.8270	59.40
2	2263316.7400	587600.8100	9.16
3	263318.4400	587654.2300	82.60
4	2263255.8100	587594.1200	68.10
5	2263295.7700	587540.4700	6.70
6	2263296.2900	587540.9400	14.50
7	2263305.5500	587552.1500	13.0
8	2263313.8100	587562.1300	7.00
9	2263318.6200	587567.5500	3.00
10	2263316.6500	587570.2500	65.90
11	2263358.9100	587619.9350	1.20
1	2263306.6670	587626.8270	

KÍ HIỆU:

KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
[Symbol]	ĐƯỜNG DẠO THÔNG
[Symbol]	NHÀ SÀNG KHAN
[Symbol]	NHÀ ẮN DƯNG
[Symbol]	SÂN TẦNG CAO
[Symbol]	PHÒNG KHÁM, NHÀ
[Symbol]	CÂY KHANH
[Symbol]	MỐC ĐẠO VỆ
[Symbol]	PHỤ VỆ SINH CÔNG NHÂN
[Symbol]	PHÒNG KHÁM

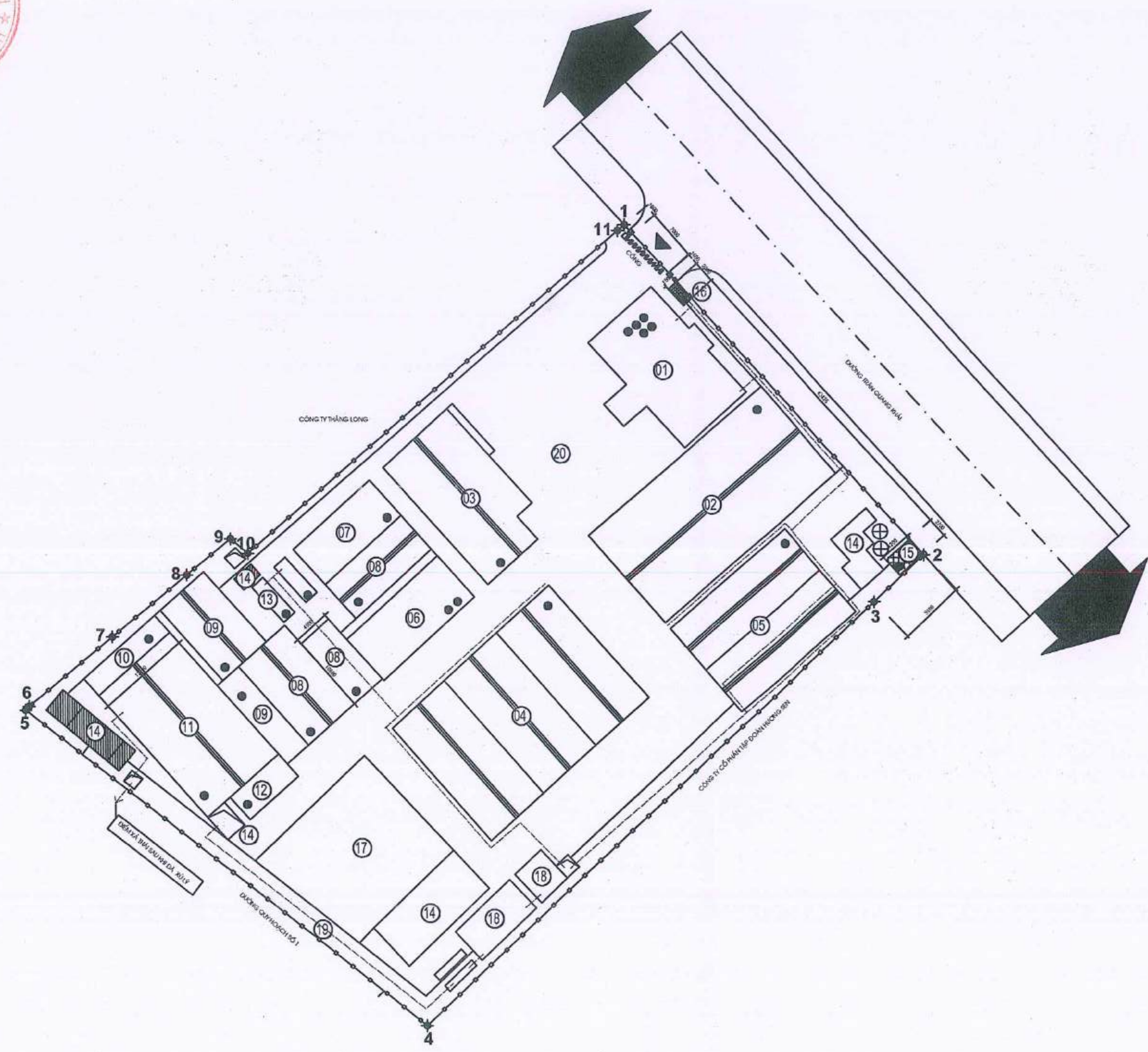
CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG NHÀ MÁY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: SỐ 15, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI, TỔ 16,
PHƯỜNG BỒ XUYỀN, THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MẶT
BẢN VẼ: TKCS - 01 KHỐ: A3 TỶ LỆ: 1/500 THÁNG: 05 NĂM 2024

TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ MÁY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 15, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI, TỔ 16, PHƯỜNG BỒ XUYỀN, THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH



BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TẦNG CÁC CÔNG TRÌNH
1	NHÀ ĐIỀU HÀNH	231.11	6
2	NHÀ DÂY KHAI	469.7	1
3	KHO THÀNH PHẨM	234.02	1
4	KHO SƠ MỘC	870	1
5	NHÀ NẤU BẮT THUỐC KHUẨN	299.80	1
6	NHÀ NGHỆ THUẬT CÔNG NHÂN	122.84	2
7	NHÀ ĂN CÔNG NHÂN	74.34	1
8	KHO KHUẨN	282.76	1
9	KHO ROA CHẤT	180.70	1
10	KHU CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	38.1	1
11	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	278.69	1
12	TRUNG TÂM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG	34.0	1
13	KHU VỆ SINH CÔNG NHÂN	25.2	1
14	BỂ NƯỚC NGÂM	202.77	1
15	NHÀ BƠM	11.34	1
16	NHÀ BẢO VỆ	4.5	1
17	BỂ THẢI	327	1
18	BỂ TẠ NHẬT	77.48	1
19	CÂY KHAI	479.94	1
20	SÂN ĐƯỜNG	2000.12	1
TỔNG CỘNG		6092.80	

BẢNG THỐNG KÊ TOA ĐỘ (HỆ TOA ĐỘ VN 2000)

Số hiệu địa điểm	Toạ độ		Khoảng cách (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2263368.6820	587620.8270	59.48
2	2263316.7406	587660.8100	9.10
3	265310.4490	587604.2200	52.68
4	2263253.8100	587594.1200	68.38
5	2263295.7700	587548.4700	0.70
6	2263296.2900	587540.9400	14.50
7	2263305.5500	587552.1500	13.0
8	2263313.8100	587562.1300	7.00
9	2263318.4200	587567.8900	3.00
10	2263316.6800	587570.2200	65.98
11	2263359.9100	587619.8950	1.20
1	2263368.6820	587620.8270	

KÍ HIỆU :

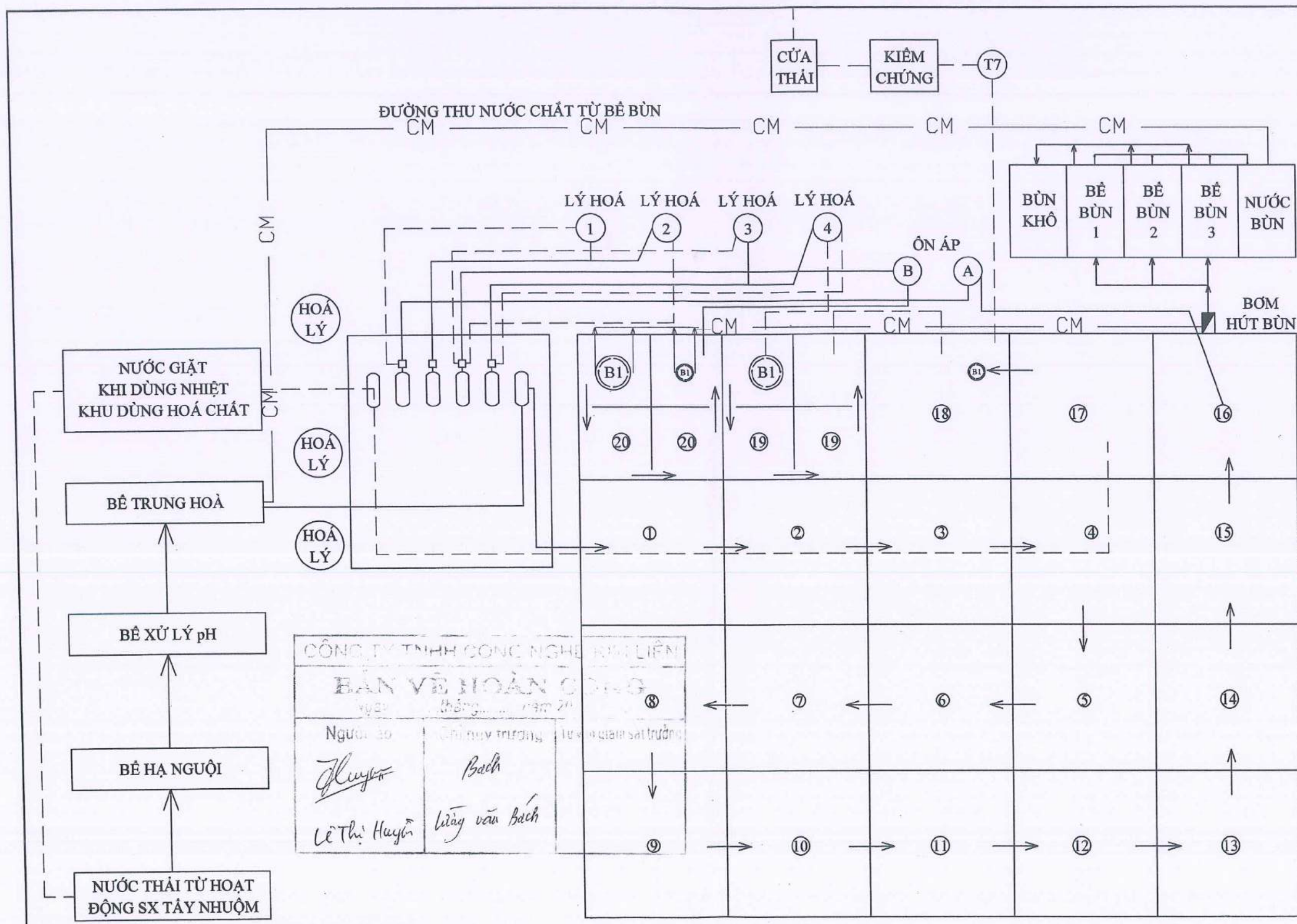
KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
[Symbol]	ĐƯỜNG GẠNG THÔNG
[Symbol]	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
[Symbol]	NHÀ SẢN DUNG
[Symbol]	BỂ MANG CAO
[Symbol]	BỂ MANG CỎ, HỒ
[Symbol]	CÂY KHAI
[Symbol]	MỐC ĐỊNH VỊ MƯ ĐẤT
[Symbol]	NHÀ THOÁT NƯỚC NHÀ
[Symbol]	NHÀ CỎ CHẤT

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG NHÀ MÁY DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG
ĐỊA ĐIỂM: SỐ 15, ĐƯỜNG TRẦN QUANG KHẢI, TỔ 16, PHƯỜNG BỒ XUYỀN, THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

BẢN VẼ: TKCS - 01 **KHỐ:** A3 **TỈ LỆ:** 1/500 **THÁNG:** 05 NĂM 2024



GHI CHÚ: - TỪ BỂ 1-BỂ 16 LÀ BỂ XỬ LÝ VI SINH
 - BỂ 17-BỂ 18 LÀ BỂ XỬ LÝ KHỬ TRÙNG
 - BỂ 19 LÀ BỂ SAU XỬ LÝ HOÁ LẦN 2
 - BỂ 20 LÀ BỂ SAU XỬ LÝ HOÁ LẦN 1

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT, CÔNG SUẤT: 400 M3/NGÀY ĐÊM

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ (Owner):

CÔNG TY
CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU
THÀNH CÔNG
 ĐC: Số 12, Đường Trần Quang Khải, P. B. Nguyễn
 TP Thủ Đức, Quận Thủ Đức, Việt Nam

GIÁM ĐỐC (General director):

TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (Issued for):

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ PRELIMINARY

TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL

THAM KHẢO ☐ REFERENCE

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH (Revision):

ĐƠN VỊ TƯ VẤN-THIẾT KẾ (Consulting Unit, Design):

CÔNG TY
TRƯỜNG KỸ THUẬT
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN
 Số 12, Đường Trần Quang Khải, P. B. Nguyễn, TP Thủ Đức
 Điện thoại: 0908.971.111
 Email: cngk@kimlien.vn

GIÁM ĐỐC (Director):

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRÌ (Presided by):

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by):

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by):

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title):

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

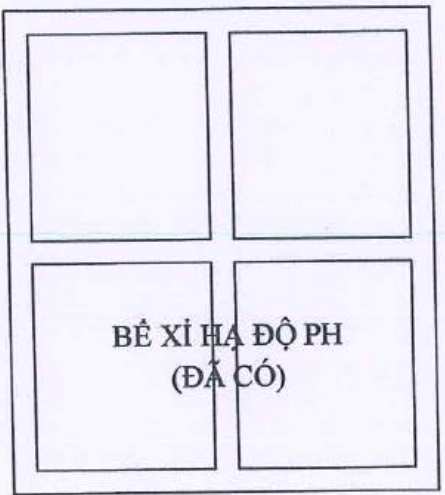
HẠNG MỤC (Item):

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

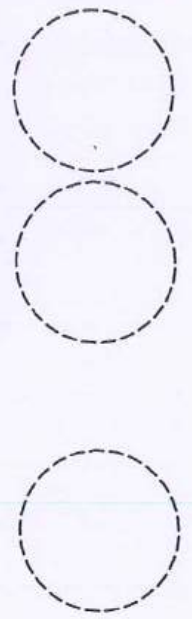
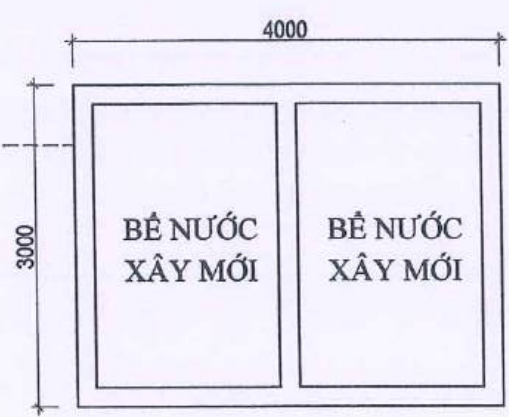
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title):

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SẢN XUẤT,
CÔNG SUẤT: 400 M3/NGÀY ĐÊM

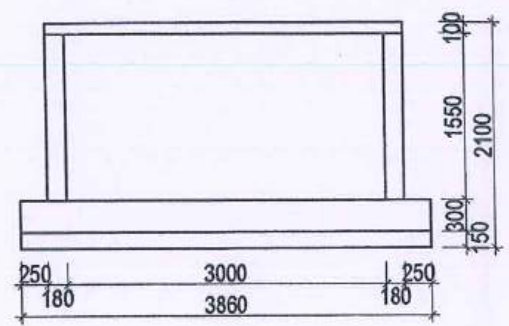
HOÀN THIỆN (Completed)		KÝ HIỆU (Drawing No.)	
TỔ LỆ (Scale)	1:1		XB-01



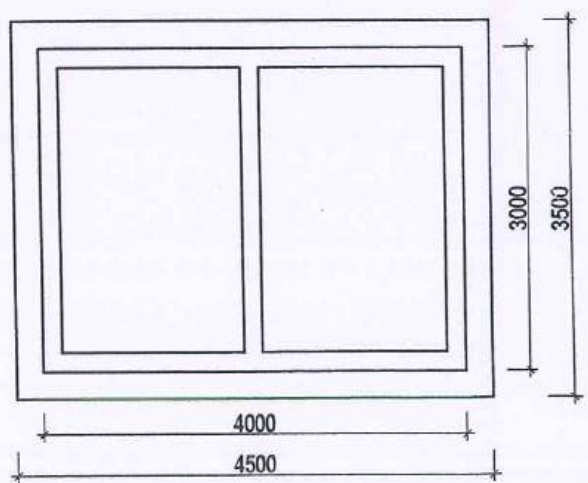
ỐNG HÀN NHIỆT D200 L=34M (2 CÚT 34)



NHÀ ĐIỀU HÀNH



MẶT CẮT BỂ



MẶT BẰNG BỂ NƯỚC

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày... tháng... năm 20...
Người...
Chức vụ...
Lê Thị Huyền
Lương Văn Bách

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ:
(Owner) CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG
ĐC: M. 10/11, đường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

GIÁM ĐỐC
(General director)

TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(Issued for)

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
THIẾT DUYỆT	☐	YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT

HIỆU CHỈNH
(Revision)

1		
2		
3		
4		
5		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN, THIẾT KẾ
(Consulting Unit, Design)
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN
KINH DOANH
ĐC: K. 12 Hùng Vương 2, P. Xuân Giang, TP. Bắc Giang
Điện thoại: 0988.871.199
Email: cngk@kimlien.vn

GIÁM ĐỐC
(Director)

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRÌ (Presided by)

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by)

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project title)

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

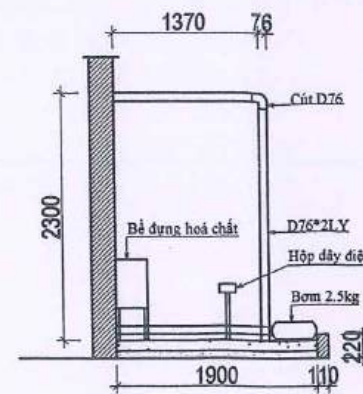
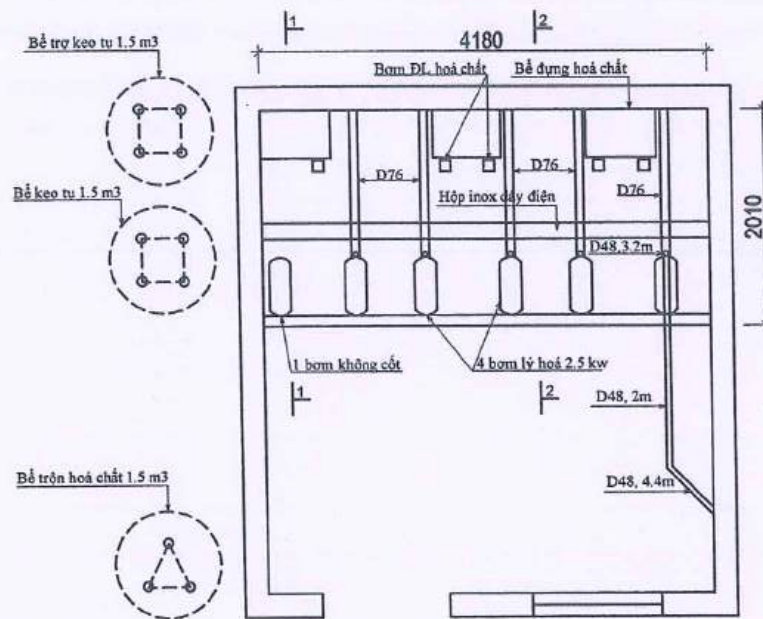
HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

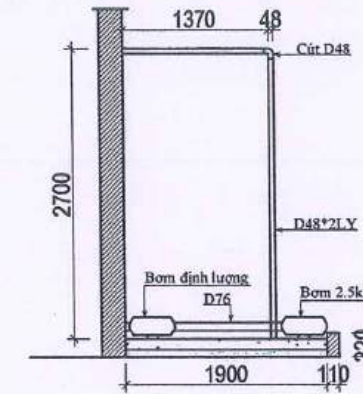
TÊN BẢN VẼ (Drawing title)

MẶT BẰNG TỪ BỂ XÍ ĐẾN NHÀ ĐIỀU HÀNH

HOÀN THÀNH (Completed)	—	KÝ HIỆU (Drawing file)
TỶ LỆ (Scale)	A1 A3	XD-03

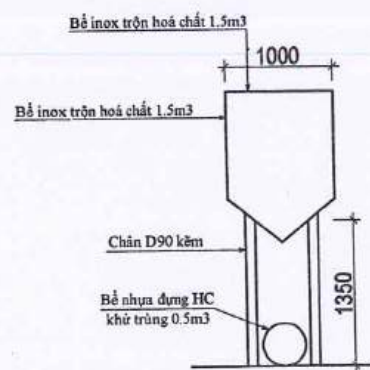


CẮT 1-1 (01 CẮT)



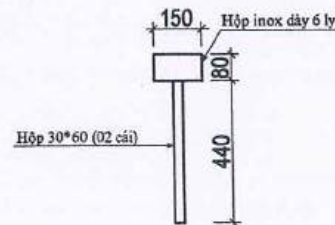
CẮT 2-2 (04 CẮT)

MB KHU NHÀ ĐIỀU HÀNH

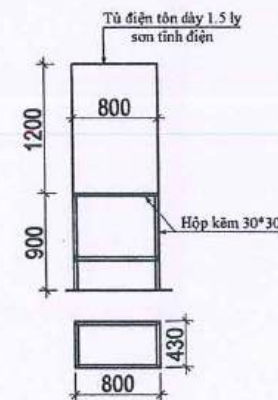


BỂ TRỘN HC-1.5M3
THÔNG KÊ VẬT TƯ-INOX

TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SL
D76	M	10.7
D48	M	26.0
VAN 76	CÁI	4
VAN 48	CÁI	4
VAN 21	CÁI	7
CÚT 48	CÁI	7
CÚT 76	CÁI	2
BÍCH 48	CÁI	4
BÍCH 76	CÁI	7



HỘP DÂY ĐIỆN
L=4.18M

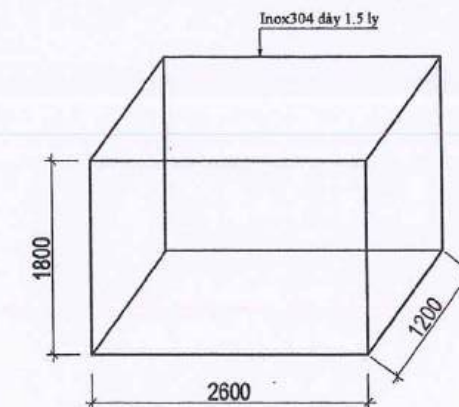


GIÁ ĐỂ TỦ ĐIỆN TO
(1 CÁI)



TỦ ĐIỆN (1 CÁI)

GIÁ ĐỂ
BỂ HOÁ CHẤT (3)



BỂ HOÁ CHẤT (3 CÁI)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10/10/2020

Người lập: Lê Thị Huyền

Người kiểm tra: Bùi Văn Bách

Tư vấn giám sát trưởng: Bùi Văn Bách

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ: (Owner)

CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU "THÀNH CÔNG"

ĐC: 38 nhà 18, đường Trần Quang Khải, đ.ĐT: P. Hồ Xuân Hương, TP Thủ Đức, tỉnh Thủ Đức, Việt Nam

GIÁM ĐỐC: (General director)

TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (Issued for)

THIẾT KẾ SỐ BỐ: ☐ PRELIMINARY

TÌNH DUYỆT: ☐ YOUR APPROVAL

THAM KHẢO: ☐ REFERENCE

THI CÔNG: ☐ CONSTRUCTION

HOÀN CÔNG: ☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH (Revision)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN, THIẾT KẾ: (Consulting Unit, Design)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN

ĐC: 38 nhà 18, đường Trần Quang Khải, đ.ĐT: P. Hồ Xuân Hương, TP Thủ Đức, tỉnh Thủ Đức, Việt Nam

Điện thoại: 0908.07.1399

Email: congnghekimlien@gmail.com

QUẢN LÝ: (Director)

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRÌ (Presided by)

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by)

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG TỦ BẾ XÍ ĐÈN NHÀ ĐIỀU HÀNH

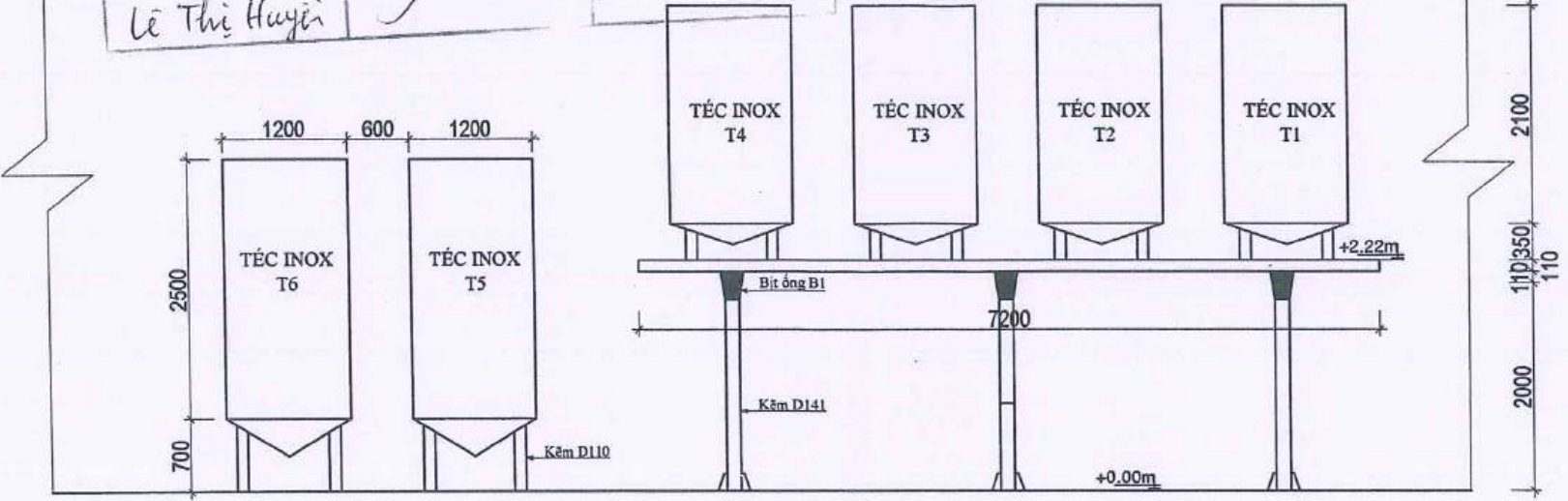
HOÀN THÀNH (Completion)

KÝ HẸU (Drawing No.)

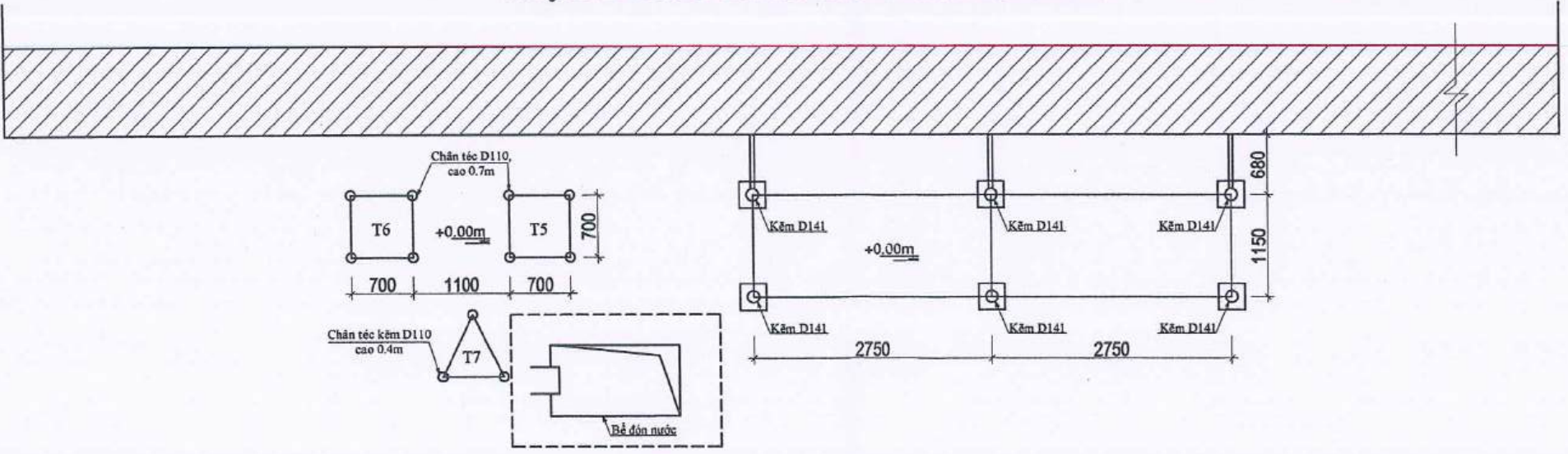
XD-04

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LİEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Người lập: *Lê Thị Huyền*
Người kiểm tra: *Nguyễn Văn Bách*
Thi công: *Nguyễn Văn Bách*



MẶT ĐỨNG KHU XỬ LÝ: HOÁ-LÝ



MẶT BẰNG KHU XỬ LÝ: HOÁ-LÝ

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ:
(Owner)
CÔNG TY TNHH DỆT MAY XUẤT KHẨU
THÀNH CÔNG
ĐC: Số nhà 14, đường Trần Quang Khải, đ. 2, P. Bến Nghé,
TP. Thủ Đức, Quận Thủ Đức, Việt Nam

GIÁM ĐỐC:
(General Director)
TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(Issued for)
THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO ☐ REFERENCE
THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH
(Revision)

1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	

CÔNG TY VẬN THIỆT KẾ
(Consulting Unit, Design)
CÔNG TY
CÔNG NGHỆ KIM LİEN
Số 14, Lê Hồng Phong 2, P. Xương Lộ, TP. Thủ Đức
Điện thoại: 0908.871.200
Email: cngk@kimlien.vn

GIÁM ĐỐC
(Director)
[Signature]

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRÌ (Prepared by)
[Signature]

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)
[Signature]

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by)
[Signature]

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)
DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

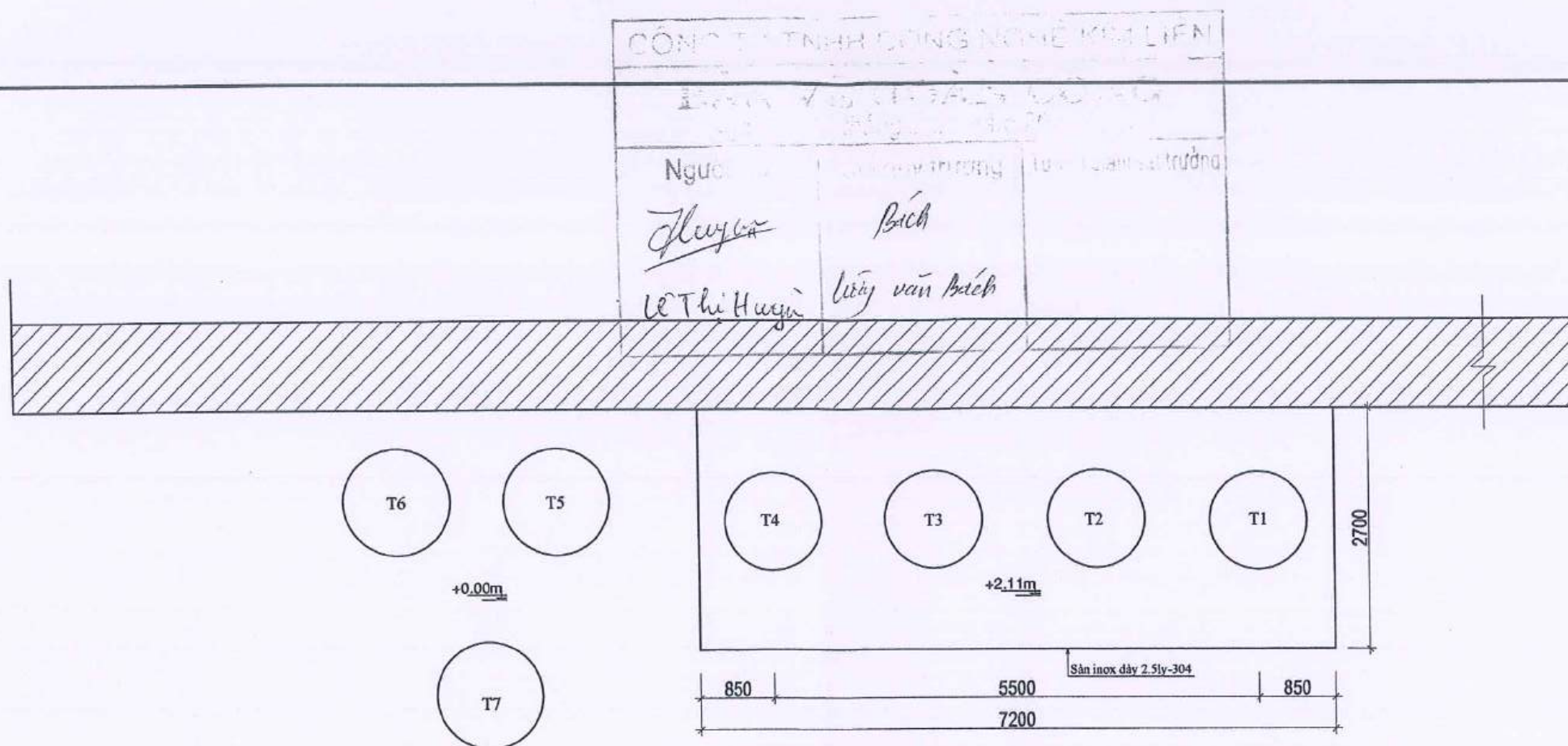
HẠNG MỤC (Item)
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)
MẶT BẰNG KHU XỬ LÝ
HOÁ - LÝ

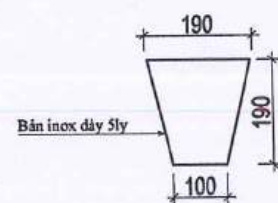
HOÀN THIỆN
(Completion)
—

KÝ HIỆU
(Drawing No.)
XD-05

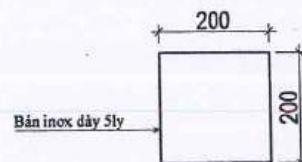
TỶ LỆ
(Scale)
A3 1:65



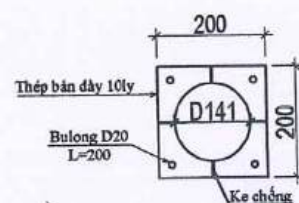
MẶT BẰNG SÀN COS>2M KHU XỬ LÝ: HOÁ-LÝ



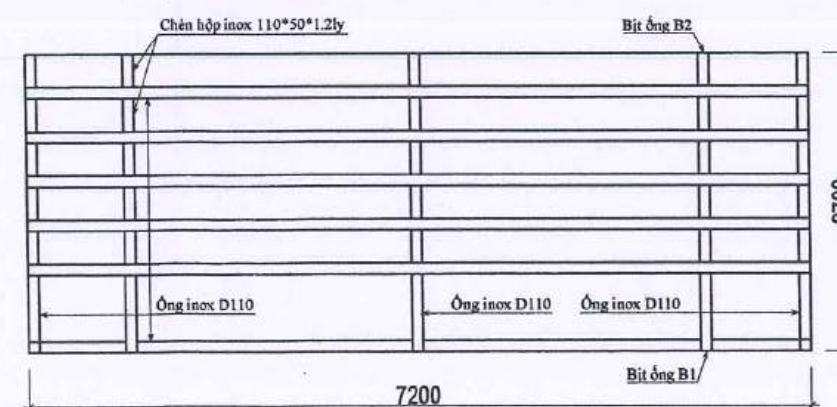
**BÍT ĐẦU
ỐNG B1=3 CÁI**



**BÍT ĐẦU
ỐNG B2=3 CÁI**



**CHI TIẾT CHÂN CỘT
(06 CỘT)**



MẶT BẰNG SÀN COS 2.1M KHU XỬ LÝ: HOÁ-LÝ

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ:
(Owner)
**CÔNG TY TNHH ĐỆT MAY XUẤT KHẨU
THÀNH CÔNG**
ĐC: 48/4 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0903 123 456

GIÁM ĐỐC:
(General director)

TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(Issued for)

THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐ REFERENCE
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH
(Revision)

1	88629
---	-------

ĐƠN VỊ TƯ VẤN, THIẾT KẾ:
(Consulting Unit, Design)
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LİÊN
Số 48/4 Lê Hồng Phong, P. 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0903 123 456
Email: info@kimlien.vn

GIÁM ĐỐC:
(Director)

(Signature)
LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRÌ (Presided by)

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUỲNH

KIỂM (Checked by)

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT BẰNG COS>2M KHU XỬ LÝ
HOÁ - LÝ

HOÀN THÀNH
(Completion)

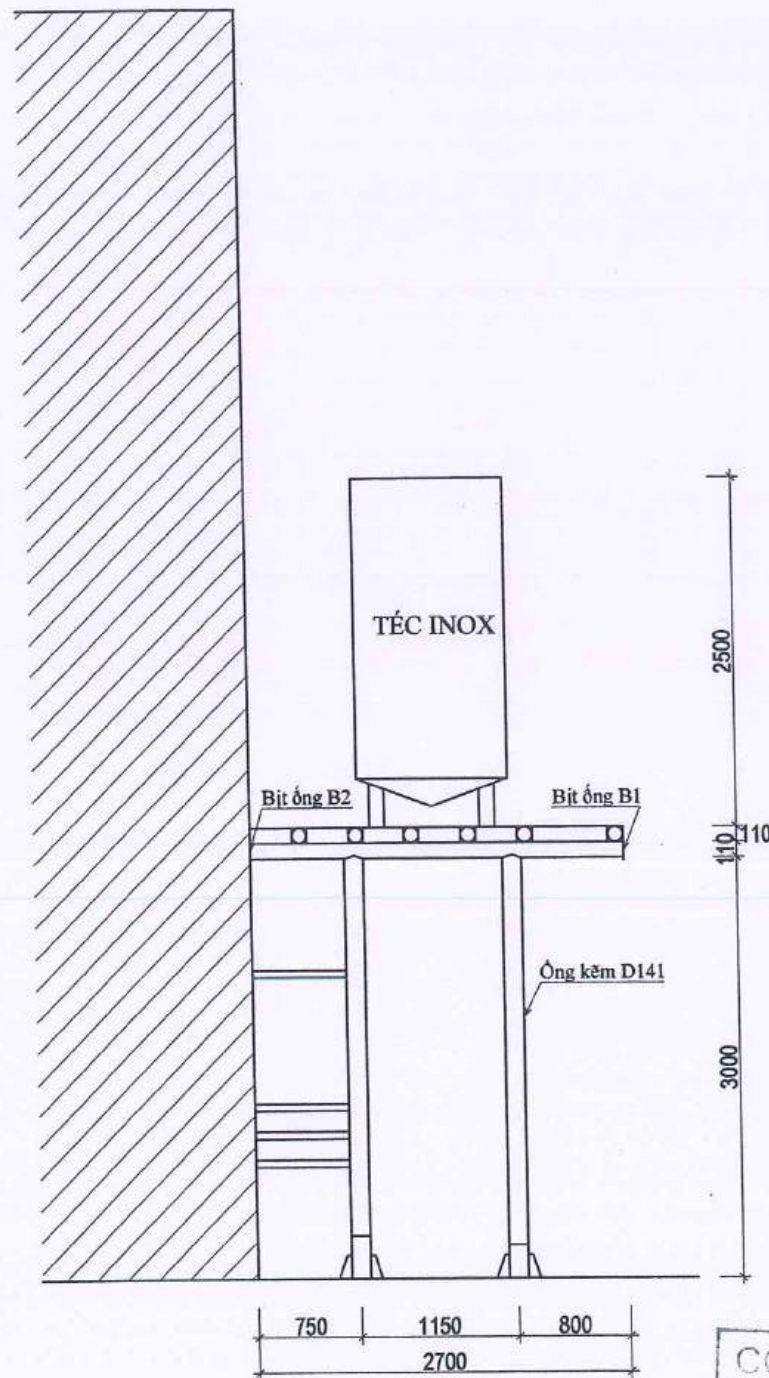
YẾU
(Drawing No.)

YẾU
(Scale)

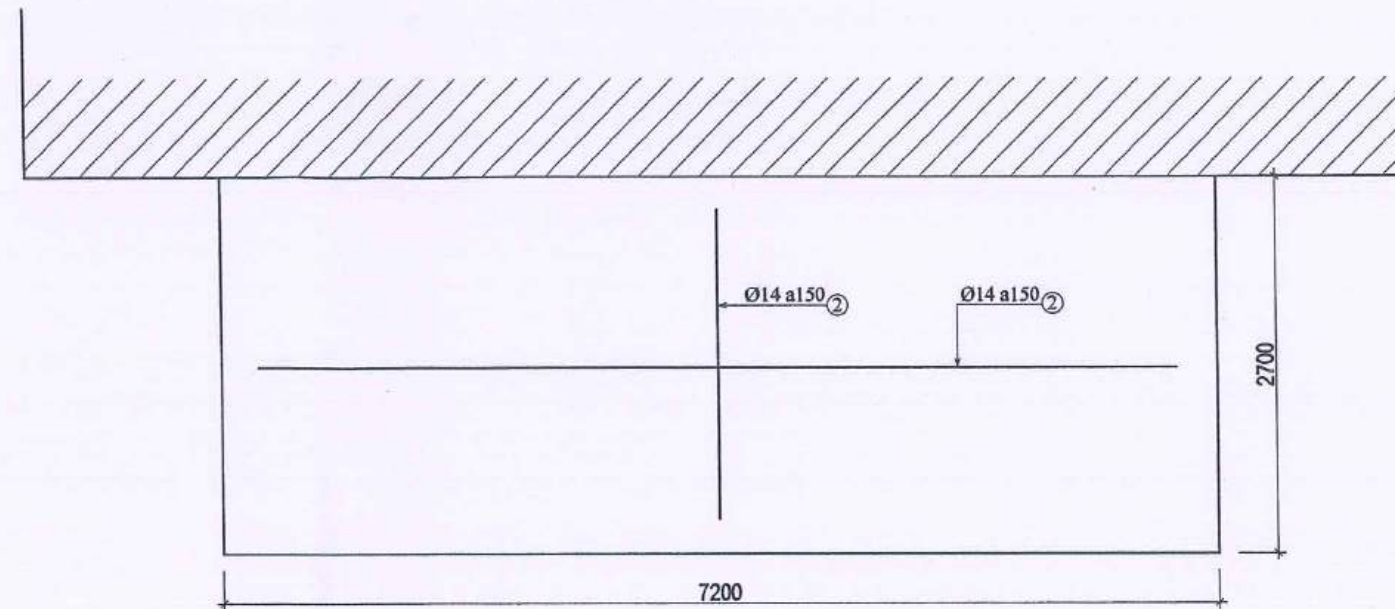
YẾU
(Scale)

YẾU
(Scale)

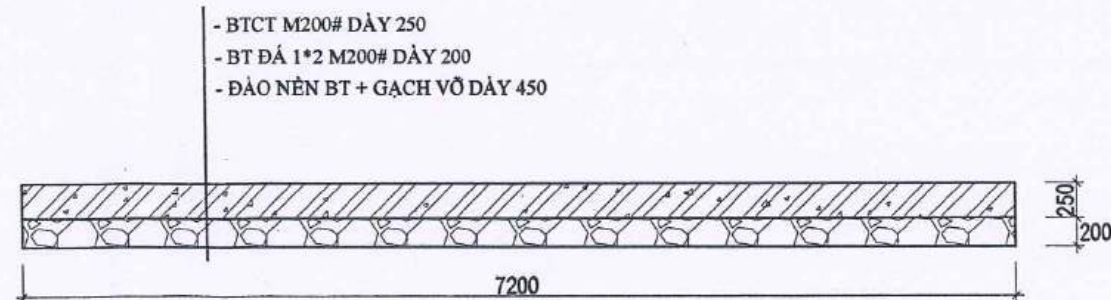
YẾU
(Scale)



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT MÓNG



MẶT CẮT MÓNG

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LİÊN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 20...

Người... <i>Thuy</i> Lê Thị Huyền	Người... <i>Bách</i> Nguyễn Văn Bách	Người... <i>Trưởng</i> Nguyễn Văn Trưởng
---	--	--

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ: (Owner)

CÔNG TY TNHH ĐET MẠY XUẤT KHẨU
THÀNH CÔNG
ĐC: Số 15, Đường Trần Quang Khải, P. B. K. N.
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC: (General director)

TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (Issued for)

THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐ REFERENCE
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH (Revision)

1	
2	
3	
4	
5	

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: (Consulting Unit, Designer)

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LİÊN
Số 15, Đường Trần Quang Khải, P. B. K. N.
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 0908.871.899
Email: canghokimlien@gmail.com

GIÁM ĐỐC: (General director)

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRƯỞNG (Presided by)

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by)

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

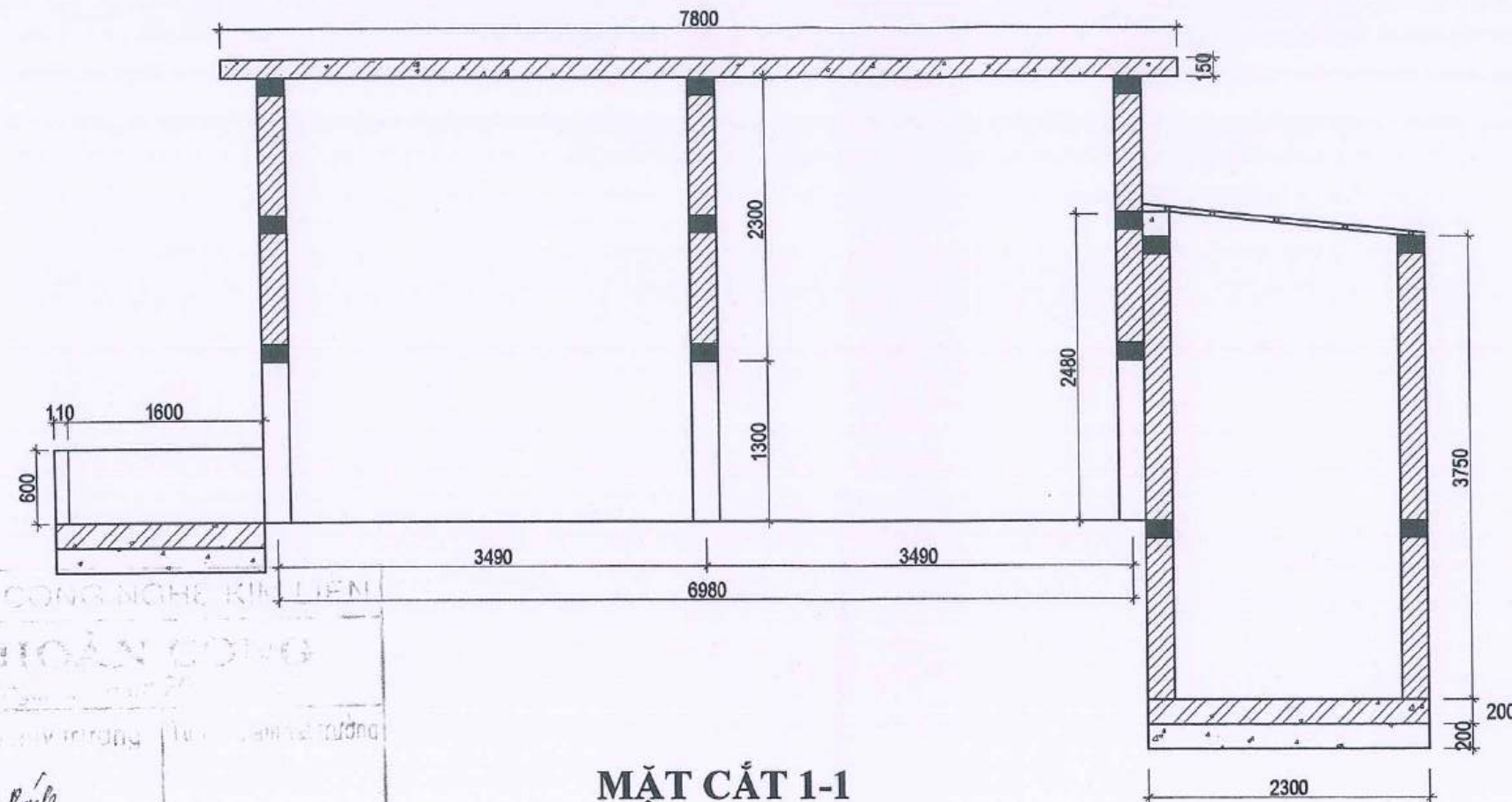
HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

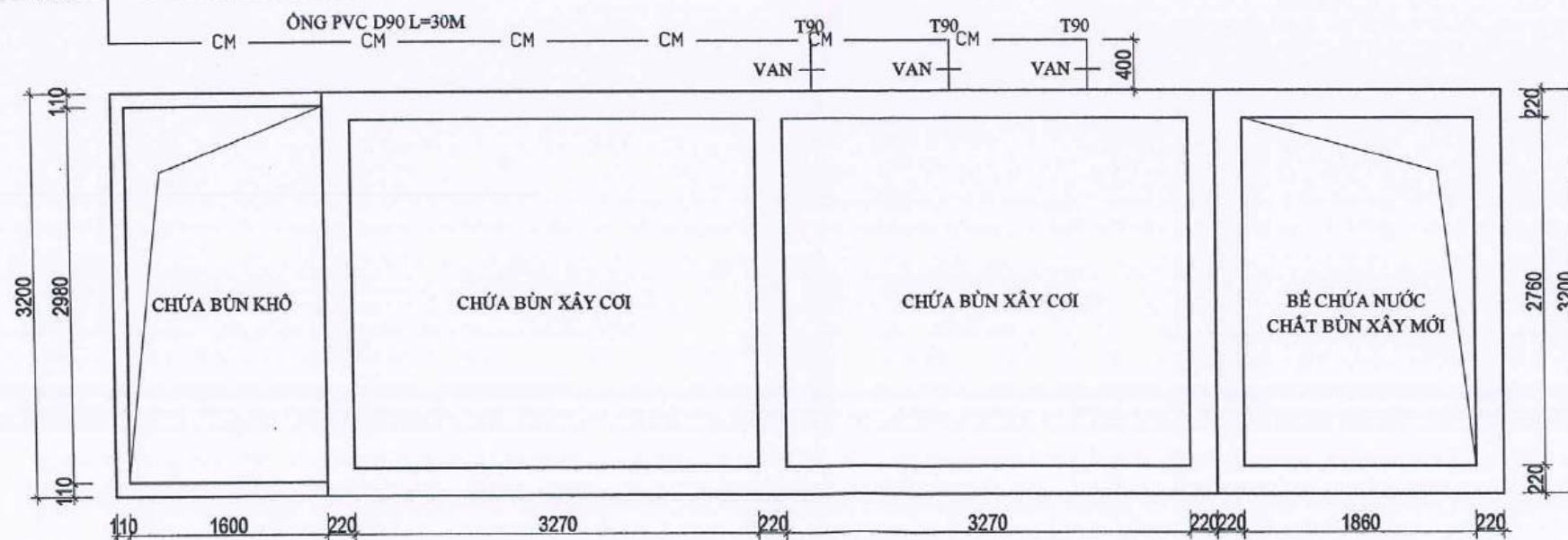
TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT CẮT B-B KHU XỬ LÝ HOÁ - LÝ

HOÀN THÀNH (Completion)	-	KÝ HẸU (Drawing No.)
TỶ LỆ (Scale)	A1 1:65	XD-07



MẶT CẮT 1-1



MẶT BẰNG KHU BỂ Bùn

GHI CHÚ: (Notes)



CHỦ ĐẦU TƯ
(Owner)

TRẦN XUÂN SANG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(Issued for)

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO ☐ REFERENCE
THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH
(Revision)

Δ	Δ
Δ	Δ
Δ	Δ
Δ	Δ



GIÁM ĐỐC
(Director)

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRƯỞNG (Presided by)

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM TRA (Checked by)

KS. ĐO THỊ HẢI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

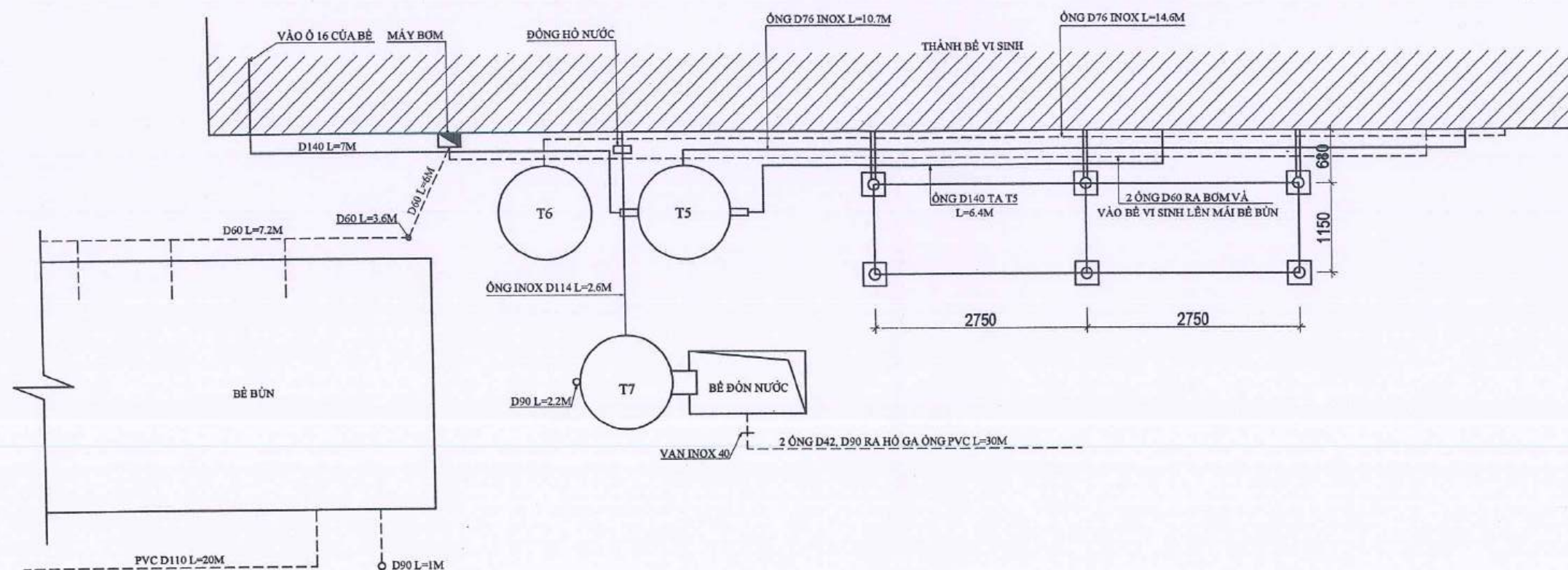
HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẶT CẮT 1-1, MẶT BẰNG
KHU BỂ Bùn

HOÀN THÀNH (Completed)	—	KÝ HIỆU (Drawing No.)	XD-08
TỶ LỆ (Scale)	1:60		



MẬT CÔNG NGHỆ COS<2.1M

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Người	Thiết kế	Tư vấn
Thuyết minh	Bách	
Lê Thị Huyền	Lưu Văn Bách	

GHI CHÚ: (Notes)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Owner)
CÔNG TY TNHH ĐỆM MÂY XUẤT KHẨU
THÀNH CÔNG
ĐC: Số 14, đường Trần Hưng Đạo, P. 01, P. 01, Quận
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC
(General director)

TRẦN XUÂN SANG
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(Issued for)

THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ PRELIMINARY
THAM DUYỆT ☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO ☐ REFERENCE
THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT

HIỆU CHỈNH
(Revision)

1	
2	
3	
4	

ĐƠN VỊ TƯ VẤN, THIẾT KẾ:
(Consulting Unit, Designer)
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KIM LIÊN
Số 14, Lê Hồng Phong, P. 01, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0903 011 111
Email: congnghekimlien@gmail.com

GIÁM ĐỐC
(Director)

LÊ ĐỨC PHI

CHỦ TRÌ (Presided by)

KS. LÊ ĐỨC PHI

THIẾT KẾ (Designed by)

KS. LÊ THỊ HUYỀN

KIỂM (Checked by)

KS. ĐO THỊ HÁI LINH

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)

DỰ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC (Item)

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

MẬT BẢNG CÔNG NGHỆ
COS<2.1M

HOÀN THÀNH (Completion)	---	KÝ HIỆU (Drawing No.)	XD-09
TỶ LỆ (Scale)	1:65		